

BIẾN CỐ PHẬT GIÁO NĂM 1963

Hoành Linh Đỗ Mậu

---o0o---

Nguồn

<http://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 06-08-2009

Người thực hiện :

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

---o0o---

Lời Ban Biên Tập

Đối với quá khứ, chúng ta không cần phải quên, mà nên ghi chép lại trong lịch sử của dân tộc một cách trung thực, để lưu truyền cho thế hệ sau. Quá khứ cho chúng ta những bài học của lịch sử, mà nhờ có những bài học này, người đời sau có thể rút tĩa kinh nghiệm, để từ đó, có những quyết định sáng suốt, tốt đẹp hơn. Như vậy, kỷ niệm quá khứ sẽ đem lại những chuyển hóa tích cực cho tương lai. Tuy nhiên, chúng ta nên phân biệt giữa ghi nhớ và căm thù. Ghi nhớ để có kinh nghiệm mà do đó, làm được những việc có ích cho đời thì tốt. Nhưng ghi nhớ để dấy lên lòng căm thù thì không đúng với lời Phật dạy. Lòng thù hận sẽ đem lại cho mình và cho người những nỗi đau khổ không bao giờ chấm dứt được. Trước nhất là lòng thù hận trói buộc mình trong những cảm xúc tiêu cực, không an lạc. Để trong tâm sự thù hận, nhãn quan sẽ bị thu hẹp.

Biến cố Phật giáo là một biến cố lớn không những cho chế độ Ngô Đình Diệm vào năm 1963 mà còn cho cả chính đạo Phật tại Việt Nam. Biến cố này cũng đã đóng góp vào sự vươn mình của dân tộc cũng như cho những chuyển động trí thức nhân bản hơn của nhân loại trong thập niên 60. Rất nhiều máu đỏ đã chảy trong biến cố này, cũng nhiều như mực đen đã chảy sau biến cố đó để ghi chép và lưu trữ lại những chứng tích và những suy nghiệm về các tội ác của chế độ Ngô Đình Diệm trong lần trở mình hùng tráng của Dân Tộc và Phật giáo tại Việt Nam.

Với những biện pháp hành chánh quỵ quyet, những thủ đoạn chính trị tàn ác và các chủ trương văn hóa gian hiểm, trong 9 năm trời, chế độ Diệm đã tìm

mọi phương cách để tiêu diệt dần dần các lực lượng và ảnh hưởng Phật giáo Việt Nam theo kế hoạch tầm ăn dâu. Đến những năm 1962, 1963, chế độ Diệm lại có thêm chương trình áp Chiến Lược mà họ thêm tin tưởng vừa có thể chiến thắng được Cộng Sản, lại vừa có thể Công giáo hóa toàn dân nông thôn. Chiếm được nông thôn là chiếm được địa bàn căn bản và lâu đời nhất của Phật giáo Việt Nam, họ sẽ bao vây Phật giáo, cô lập Phật giáo trong các chùa chiền ở đô thị và Phật giáo sẽ như cá trong ao khô hồ cạn, không còn nước nữa để sống còn và bơi lội vẫy vùng.

Nếu anh em ông Ngô Đình Diệm kiên nhẫn dùng kế hoạch trên thì có lẽ biến cố Phật giáo năm 1963 đã chưa xảy ra vì một lý do rất dễ hiểu là mặc dù nổi thống khổ của Phật tử đã đến cùng cực, thế mà Phật tử vẫn chỉ cần rặng chịu đựng. Nhưng mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên, nhà Ngô đi ngược lòng dân và ngược ý trời nên mới lấy quyết định cấm treo cờ Phật giáo nhân ngày lễ Phật Đản, một quyết định ban đầu nhà Ngô tưởng là không mang lại hệ quả đáng kể nhưng thật sự lại đưa chế độ Diệm vào đường cùng. Với những người tin vào thuyết lý số và thuyết âm đức thì năm 1963 đúng là năm chót trong cái đại vận “Phát dã như lôi” thụ hưởng phú quý tột đỉnh của anh em nhà Ngô để bước vào chu kỳ “Tán gia bại quốc” mang lại nhục nhã cho dòng họ.

Thật thế, nếu Tổng Giám mục Ngô Đình Thục còn ở Vĩnh Long thì có lẽ vụ cấm treo cờ Phật giáo đã chưa xảy ra. Không ngờ Tòa thánh La Mã dưới triều đại Giáo Hoàng Paul 6 lại thuyên chuyển ông Ngô Đình Thục ra giáo phận Huế, nơi mà đại đa số dân chúng đều theo đạo Phật, nên nhà Ngô mới bị sa lầy sớm. Đòi ông Thục ra Huế, Tòa Thánh La Mã chỉ muốn ông Thục, vốn đã làm cho Giáo Hội chịu nhiều tai tiếng xấu trong cộng đồng thế giới, phải xa lánh Thủ đô, xa tai mắt ngoại giao đoàn, xa ký giả quốc tế và xa khối trí thức Việt Nam đông đảo tại Sài Gòn. Không ngờ hảo ý của Tòa Thánh La Mã lại biến thành đại họa cho nhà Ngô.

Tất cả bắt đầu vào ngày 6 tháng 5 năm 1963, khi Tổng Giám mục Ngô Đình Thục đi thăm nhà thờ La Vang. Dọc đường, đâu đâu ông Thục cũng thấy cờ Phật giáo tung bay khắp thị thành thôn xóm để chào mừng Phật đản trong hai ngày nữa. Cờ Phật mà còn nhiều thì cái mộng Hồng Y của ông Thục khó sớm thành sự thực vì đã nhiều lần ông lờ phức trình với Tòa Thánh là dân Việt Nam ngày càng cải đạo, càng hướng về Giáo hội La Mã. Nhưng thực tế hôm đó hiển hiện trước mắt là cờ Phật giáo tràn ngập khắp nơi đã làm cho ông Thục giận lắm, nên khi trở về Huế, ông cho gọi Đại biểu chính phủ Trung phần là Hồ Đắc Khương đến Tòa Giám mục để khiển trách rồi gọi

điện thoại viễn liên vào Sài Gòn báo cho em là Tổng thống Diệm biết tình hình. Ngay sau đó ông Diệm ra luật lệ treo cờ cho các Tôn giáo.

Theo luật lệ treo cờ của Chính phủ Diệm, cờ Tôn giáo không được treo ngoài khuôn viên chùa chiền, nhà thờ hoặc các cơ sở tôn giáo... Vì bị Tổng Giám mục Ngô Đình Thục áp lực, ông Diệm đã đặt vấn đề treo cờ Phật giáo mà ông quên đi năm ngoái (1962), Phật giáo cũng treo cờ như năm nay mà không thấy chính phủ khuyến cáo gì cả. Tôi còn nhớ năm 1959, từ ngày 16 đến 18 tháng 2, tại Thủ đô Sài Gòn và khắp cả nước, giáo hội Công giáo Việt Nam tổ chức đại hội Thánh Mẫu và lễ nâng nhà thờ Đức Bà Sài Gòn lên hàng Vương Cung Thánh Đường vô cùng trọng thể dưới quyền chủ tọa của Hồng Y Agagianan (Đại diện Tòa Thánh La Mã). Cờ Tòa Thánh và ảnh tượng Đức Mẹ trung bày khắp Thủ đô, tràn ngập cả công viên trước dinh Độc Lập từ đường Công Lý đến tận Sở Thú. Ngày 17 tháng 8 năm 1961 tại La Vang, nhân dịp kỷ niệm lễ Đức Mẹ hiện ra cách đây 160 năm và khánh thành Vương Cung Thánh Đường La Vang, những khai hoàn môn trung bày ảnh tượng Đức Mẹ và cờ Công giáo Vatican (vàng - trắng) kéo dài từ thành phố Huế đến thành phố Quảng Trị dọc theo Quốc lộ Một. Rồi đến lễ khánh thành ngôi nhà thờ Huế do ông Ngô Đình Thục xây cất, và tiếp theo đó là lễ Ngân Khánh của ông Ngô Đình Thục xảy ra vài tuần lễ trước ngày Phật Đản, cờ Công giáo Vatican lại tràn ngập cả thành phố Huế, nhất là về phía hữu ngạn sông Hương. Dân cả nước ai lại không thấy rằng hễ mỗi lần Công giáo có lễ lạc là cờ Công giáo Vatican treo ra ngoài khuôn viên nhà thờ, trên đường phố công cộng và nhiều khi trên cả các cơ sở quốc gia. Dưới chế độ Diệm, hầu như trong mỗi doanh trại quân đội đều có nhà thờ mà hễ đến ngày lễ Noel là cờ Công giáo Vatican treo khắp doanh trại, trước cổng trại lại có cả khai hoàn môn. Dân chúng làm sao quên được hình ảnh những vùng như Hố Nai, Gia Kiệm, Ngã Ba Ông Tạ, Ngã Ba Chú Ía, chung quanh Lăng Cha Cả, và những vườn hoa những đại lộ trước Tòa Đô Chính Sài Gòn tràn ngập ảnh tượng và cờ Công giáo Vatican trong những ngày lễ Giáng Sinh. Chính vì Công giáo đã đầu tiên và liên tục đập lên trên luật lệ treo cờ của Chính phủ đến nỗi sau vụ cờ Phật giáo tại Huế, ngày 15 tháng 5 năm 1963, Giám mục Nguyễn Văn Bình đã phải ra thông báo nhắc nhở giáo dân: “Cờ của Tòa Thánh Vatican chỉ được treo trong nhà thờ hoặc những cơ sở của Hội Thánh”.

Người Công giáo trắng trợn vi phạm luật treo cờ thì anh em ông Diệm chẳng những không bao giờ đá động đến mà còn lấy làm sung sướng vì sự ưu thế có tính cách hình thức đó, thế mà năm 1963, Phật tử treo cờ nhân ngày Phật Đản thì Ngô Đình Thục tức giận đặt vấn đề thể lệ treo cờ.

Sau khi nghe ông anh Tổng Giám mục khiển trách việc Phật kỳ tung bay khắp nơi, ông Diệm nổi nóng gọi ngay Đồng lý Văn phòng là ông Quách Tông Đức (hiện ở Pháp), bảo đánh điện cho Tòa Đại biểu Chính phủ tại Huế và khắp các tỉnh ra lệnh phải hạ cờ Phật giáo. Một lần nữa, quyết định này cho ta thấy anh em nhà Ngô rõ ràng thiếu ý thức chính trị vì đã không đánh giá được bản chất và hệ quả của một quyết định liên hệ đến một vấn đề nhân văn rất tế nhị, nhất là tại một địa phương như Thừa Thiên. Họ lại chẳng nắm vững được giá trị của quyết định này trên cả hai mặt hành chánh pháp lý và thực trạng xã hội.

Hai mươi bốn tiếng đồng hồ sau đó, ngày 7 tháng 5, trong lúc dân chúng Huế và Thừa Thiên sửa soạn làm lễ Phật Đản thì cảnh sát đến tận nhà buộc dân chúng phải hạ cờ Phật giáo. Trước biện pháp bất công và bất minh đó của chính quyền, vài ngàn Phật tử bèn tự động tổ chức kéo tới Tòa Tỉnh trưởng Thừa Thiên và yêu cầu Tỉnh trưởng Nguyễn Văn Đăng can thiệp để Phật kỳ khỏi bị hạ. Tỉnh trưởng giải thích “đã có sự hiểu lầm lệnh của cấp trên”, rồi ra lệnh cho treo Phật kỳ trở lại nên dân chúng tự động giải tán ra về. Sở dĩ có biện pháp đó là nhờ Tỉnh trưởng Nguyễn Văn Đăng đã gặp ông Ngô Đình Cẩn và được ông Cẩn cho lệnh “Phật tử đã lỡ treo cờ rồi thì cứ để cho họ treo”.

Vấn đề đặt ra là tại sao một người đã làm đến Tổng Giám mục như ông Ngô Đình Thục, tại sao một người đã làm đến Thượng Thư Bộ Lại rồi làm đến Tổng thống như ông Ngô Đình Diệm mà lại sai lầm một cách ấu trĩ nhưng lại trầm trọng như thế? Câu trả lời dĩ nhiên nằm trong cái liên hệ sống chết và cốt tủy quá chặt chẽ giữa dòng họ Ngô Đình với Hội Truyền Giáo Hải Ngoại Pháp, vì anh em nhà Ngô được đào tạo và nuôi dưỡng bởi một giáo hội có quá nhiều cấp lãnh đạo chỉ thấy cái Ta là đúng, ngoài Ta ra tất cả đều sai lầm. Sử liệu đã cho thấy vô số sự kiện nói về bệnh chấp ngã của Tòa Thánh La Mã. Ở đây, ta hãy nghe một lời dẫn chứng của học giả Merle Sever trong bài The World of Luther:

Tòa Thánh La Mã đòi hỏi một sự phục tùng bất khả tư nghi. *“Tôi sẽ phải tin rằng vật màu trắng mà tôi thấy là màu đen, nếu giáo hội quyết định đó là màu đen”*. Ông Ignatius Loyola, sáng lập dòng Jesuite đã nói như thế. Giáo Hoàng Paul IV cũng xác định rằng: “Ngay nếu cả cha ruột tôi là người phản đạo, tôi cũng sẽ đi lượm củi để đốt ông ta”¹.

Và đặc biệt trong tương quan thế quyền và giáo quyền, để chính xác áp dụng cho trường hợp của anh em ông Diệm, ta hãy nghe giáo sư Malachi Martin,

một vị tu xuất dòng J suite, viết về niềm tin giáo điều sắt đá của Giáo Hoàng L o III:

Xác định một cách công khai rằng tất cả các quyền lực chính trị trên thế gian này đều do Chúa ban cho; và chỉ được ban cho cá nhân nào hay chính phủ nào qua trung gian của vị đại diện Đức Chúa Trời, vốn là vị Hồng Y La M , mà cũng là kẻ kế vị Thánh Ph rô”².

Cho nên mù qu ng trước điều mà họ cho là chân lý bất di bất dịch đó, rồi lại riêng cá nhân ông Thục mang tham vọng trở thành Hồng Y, anh em ông Di m chỉ thấy việc Phật giáo treo cờ không đ ng với thể lệ của nhà nước là một hành động thách thức chân lý đó, mà không cần biết đến chính tôn giáo của mình và chính Tổng Giám mục Ng  Đ nh Thục đã vi phạm trắng trợn luật treo cờ từ chín năm nay rồi.



Ngày 8 tháng 5, các chùa tại Hu  cử hành lễ Phật Đ n và rước Phật trọng thể từ chùa Từ Đ m qua chùa Di u Đ . Sau lễ Phật, trong bài thuyết pháp, Thượng tọa Trí Quang đề cập đến chủ trương kỳ thị của chính quyền nhằm đàn  p Phật giáo từ 9 năm qua, nay lại ra lệnh cấm treo cờ tôn giáo, r  ràng nhắm riêng vào Phật giáo. Thượng tọa Trí Quang cũng c  nhắc đến cờ Công giáo Vatican treo khắp đường phố vào các dịp lễ sao không cấm, mà lại cấm đ ng vào ngày Phật Đ n. Nhiều đoàn thể Phật tử yêu cầu chính quyền cho phát thanh lại bài thuyết pháp của Thượng tọa Trí Quang, nhưng Giám đốc Đài phát thanh Hu  là ông Ng  Ganh, một Công giáo C n Lao, không chịu nên vài ngàn Phật tử kéo đến đài để trực tiếp yêu cầu. Phó tỉnh trưởng Nội An là Thi u t  Đ ng S , một C n Lao Công giáo khác, cũng huy động lính Bảo An và cả thiết giáp tới để thị uy. Không ngờ trong lúc Tỉnh trưởng

Nguyễn Văn Đăng, ông Ngô Ganh và Thượng tọa Trí Quang đang thảo luận để tìm một giải pháp dung hòa thì nhiều tiếng súng và một quả lựu đạn phát nổ làm cho 7 thường dân chết, 5 binh sĩ và một thường dân bị thương. Máu đã đổ, cuộc tranh đấu của Phật giáo Việt Nam bắt đầu, biến cố Phật giáo mùa Hè năm 1963 phát động từ đó.

Tôi cần phải nói rõ và nói lớn ở đây rằng cuộc đấu tranh của Phật giáo tuy phát động từ sự kiện cấm treo cờ nhưng nguyên ủy thật sự, động cơ sâu sắc của nó thật ra đã xuất hiện từ lâu, từ khi anh em ông Diệm tiến hành chính sách tiêu diệt các tôn giáo khác cho Công được ngôi vị độc tôn trong đời sống tâm linh và tín ngưỡng của người Việt. Động cơ đấu tranh đó là một động cơ có tính sống còn của Phật giáo, cho nên ở bước đường cùng, Phật tử đã không thể có một chọn lựa nào khác nếu không muốn bị tiêu diệt: Từ nhiều năm nay, Phật giáo đồ đã bị đàn áp, khủng bố khắp nơi, chúng tôi vẫn nhìn nhục đương nhiên không phải vì hèn yếu mà vì ý thức được những nỗi khổ đau, tang tóc của dân tộc ta hiện tại. Nhưng đau đớn thay, một số người đã lợi dụng quyền hành gây ra không biết bao nhiêu tang tóc đối với Tăng và Tín đồ Phật giáo khắp trong nước, đối xử một cách bất công với một tôn giáo có hàng nghìn năm lịch sử của dân tộc³. Đó mới là nguyên ủy thật sự của cuộc đấu tranh, chứ lá cờ chỉ là giọt nước cuối cùng mà thôi. Chánh pháp như chiếc bè qua sông, qua rồi còn bỏ bè hưởng gì chỉ một lá cờ.

Sau vụ đàn áp Phật tử tại đài Phát thanh Huế, Tăng Ni, Phật tử họp tại Chùa Từ Đàm đưa ra năm nguyện vọng để xin Chính phủ giải quyết: 1/ Xin chính thức rút lại lệnh cấm treo cờ; 2/ Xin được tự do hành đạo như Công giáo; 3/ Xin bãi bỏ dụ số 10 xem Phật giáo như một Hiệp hội; 4/ Xin chấm dứt các vụ khủng bố, đàn áp Phật giáo; 5/ Xin bồi thường cho các nạn nhân tại đài Phát thanh Huế và trừng trị kẻ đã gây ra đổ máu.

Nguyện vọng gởi đi đã 8 ngày mà Chính phủ vẫn không hồi âm, đã thế còn ra thông báo bảo rằng thủ phạm ném lựu đạn là một tên Việt Cộng dù không đưa ra được bằng chứng cụ thể nào. Năm nguyện vọng rõ ràng chỉ nhắm vào một mục tiêu rất chính đáng và hợp pháp là công bằng xã hội (điều 2,4 và 5) bằng cách chấm dứt chủ trương đàn áp tôn giáo của thực dân Pháp để lại (điều 1 và 3). Vì chính đáng và hợp pháp nên Phật giáo đã công khai tuyên bố và cảnh cáo luôn những xuyên tạc hay chụp mũ có thể xảy ra: ***“Mục tiêu tranh đấu của Phật giáo đó chỉ nhắm vào lý tưởng tôn giáo bình đẳng trong khuôn khổ lý tưởng công bằng xã hội. Vì lẽ đó, chúng tôi từ chối mọi sự lợi dụng không phù hợp với tôn chỉ của chúng tôi, nhất là những người Cộng Sản và những kẻ mưu toan chức vị chánh quyền”***⁴.

Rất nhiều ký giả ngoại quốc đã điều tra về biến cố Phật giáo, ở đây ta hãy nghe lời tường trình của ký giả David Halberstam:

Đầu tiên, lời tuyên bố của Chính phủ là một tên Việt Cộng đã ném vào đám đông một quả lựu đạn. Nhưng dần dần, luận điệu của Chính phủ bị mất giá trị vì càng ngày càng có thêm nhiều chi tiết cho thấy sự thật. Một nhóm giáo sư người Đức dạy tại Đại học Huế đã chụp được hình ảnh chứng minh luận điệu của Chính phủ là sai. Đã thế, Chính phủ lại vội vã cho chôn xác các nạn nhân mà không để cho bác sĩ giáo nghiệm để, một lần nữa, đổ lỗi cho Việt Cộng.

Nhiều ký giả quốc tế khác như Bob Trumbell , Charle Mohr,... đều công nhận là lỗi tại Chính phủ. Charle Mohr của tờ Times viết rằng: “Cũng như mọi chuyện khác, ông Diệm có bao giờ chịu nhận ông ta sai lầm đâu, Chính phủ của ông ta cũng nghĩ rằng không bao giờ ông Diệm sai lầm, và tất cả đều nói láo làm cho đa số dân chúng càng thêm nổi giận”.

Sau vụ lựu đạn nổ ở Huế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Bùi Văn Lương được ông Diệm phái đi quan sát tình hình. Vì sự thật đã được sáng tỏ cho nên một người Mỹ đi theo ông Lương cho rằng cách giải quyết thật là giản dị: chỉ cần bỏ ra năm trăm ngàn đồng bạc bồi thường cho các nạn nhân, và chỉ cần một lời tuyên bố của Chính phủ nhận lỗi do lực lượng an ninh gây ra. Ông Lương trả lời: *“Tiền thì dễ nhưng chúng tôi không thể đưa ra lời tuyên bố như vậy được. Chúng tôi không thể công nhận lỗi của Chính phủ”*⁵.

Nhìn lại biến cố Phật giáo 1963, nếu lúc bấy giờ Chính phủ Diệm tuyên bố nhận lỗi, phạt Đặng Sĩ 40 ngày trọng cấm và sa thải khỏi quân đội, rồi an ủi và bồi thường các nạn nhân, bãi bỏ ngay những quy chế bắt công về điều lệ tôn giáo trong đạo dụ số 10 thì chắc chắn biến cố Phật giáo đã ngưng ở đó.

Biến cố Phật giáo tại miền Nam làm tôi liên tưởng đến vụ Cải cách ruộng đất ở miền Bắc năm 1956. Vụ cải cách ruộng đất làm cho dân chúng căm phẫn chống đối chính quyền Hà Nội. Ông Hồ Chí Minh vội vã một mặt tuyên bố nhận lỗi với đồng bào và xin sửa sai, mặt khác tạm ngưng xúc tiến việc cải cách và hạ tầng công tác ngay lập tức ông Trường Chinh, người chịu trách nhiệm chương trình, mặc dù ông Trường Chinh là ủy viên cao cấp của Chính trị Bộ Trung ương Đảng Cộng Sản.

Tuy những quyết định đó chỉ là thủ đoạn chính trị, nhưng thực tế chính trị sau đó cho thấy rằng, người dân miền Bắc thấy “Cụ Hồ” hạ mình xin lỗi đồng bào và dám cất chức đồng chí “Bí thư Đảng” thì ở một khía cạnh nào

đó, họ không còn lý do và đối tượng để đấu tranh nữa. Riêng đối với quốc tế, công luận đã thấy ông Hồ Chí Minh biết phục thiện thương dân, biết tiến, biết thoái, có tài lãnh đạo. Thật trái ngược hẳn với họ Ngô ở miền Nam trên mặt quyền biến vì rõ ràng từ chín năm qua, họ Ngô đã tiến hành chính sách kỳ thị hà khắc, nay lại gây thêm tội ác mới, thế mà còn vung về phi tang để đổ lỗi cho Việt Cộng.

Hai biến cố đó tuy bản chất khác nhau nhưng về cường độ thì cũng trầm trọng như nhau. Cả hai đều đụng chạm đến quyền lợi thiết thân nhất của quần chúng: quyền tín ngưỡng của Phật tử ở miền Nam và quyền sinh sống của nông dân miền Bắc. Nhưng nhìn cung cách và phương thức để đối phó thì quả thật trên mặt khả năng quyền biến, ông Ngô Đình Diệm chỉ đáng là học trò của ông Hồ Chí Minh dù cả hai đều độc tài, đều sắt máu, và đều muốn đàn áp những cuộc đấu tranh chính đáng của nhân dân.

Nhận thấy Tổng thống Diệm không có một chút thiện chí nào, Tăng tín đồ Phật giáo ngày 10 tháng 5 năm 1963 công bố bản Tuyên ngôn để minh định lập trường và xác định lại những nguyện vọng của mình. Ngày 16 tháng 5, Phật giáo mở một cuộc họp báo tại chùa Xá Lợi có Bộ trưởng Công dân Vụ Ngô Trọng Hiếu tham dự, để trình bày năm nguyện vọng và nói rõ thái độ của Tổng thống Diệm trong cuộc hội kiến hôm qua tại dinh Gia Long. Trong cuộc họp báo này, ông Ngô Trọng Hiếu chỉ lập đi lập lại một lời giải thích: Tổng thống Diệm chỉ muốn cho “Quốc kỳ được tôn trọng” mà không hề đề cập đến những nguyện vọng của Phật giáo.

Ngày 23 tháng 5, trước những xuyên tạc độc hại của bộ máy thông tin của chính quyền với luận điệu cho rằng cuộc đấu tranh của Phật giáo đồ là do Cộng Sản điều động và chỉ làm lợi cho Việt Cộng, Phật giáo cho phổ biến bản Tuyên ngôn thứ nhì với một bản phụ đính xác định rất rõ ràng vị thế nạn nhân của Phật giáo trong những thủ đoạn tuyên truyền của Chính phủ:

Ngày trước, những người Cộng Sản lợi dụng danh nghĩa chống ngoại xâm để tiêu diệt các đảng phái quốc gia thì ngày nay cũng có cái vẻ người Công giáo lợi dụng công việc chống Cộng Sản để đàn áp các tôn giáo khác, nhất là Phật giáo chúng tôi. Đó là nguy cơ cho quốc gia và làm chia rẽ tôn giáo... Tình trạng lợi dụng danh nghĩa chống Cộng sản để phát triển Công giáo và lấn áp Phật giáo tạo ra tình trạng chia rẽ ngày càng trầm trọng thì ngay bây giờ và mai hậu, chỉ người Cộng Sản có lợi mà thôi⁶.

Ba tuần lễ trôi qua, Chính phủ vẫn quyết liệt giữ lập trường cũ và ra thông tư xác nhận quan điểm về vấn đề tôn giáo là “không kỳ thị, tôn trọng tự do tín ngưỡng, chỉ quy định việc treo cờ vì tôn trọng quốc kỳ”, thông tư cũng không hề đá động đến năm nguyện vọng chính đáng và khiêm tốn của Phật giáo. Trong lúc đó thì ngày 29 tháng 5, lực lượng an ninh vẫn siết chặt vòng đai ở chùa Từ Đàm, nơi mà sinh viên và Phật tử thường tụ họp đông đảo để ủng hộ cho những đòi hỏi của Phật giáo, đồng thời chính quyền cho cắt điện và nước ở ngôi chùa này.

Trước thái độ ngoan cố của Chính phủ, ngày 30 tháng 5, Phật giáo tổ chức lễ cầu siêu cho các nạn nhân tại chùa Xá Lợi và chùa Ân Quang, các Tăng Ni và Phật tử tuyệt thực 48 giờ, đồng thời 300 tăng ni biểu tình trước Quốc hội với những khẩu hiệu yêu cầu Chính phủ thỏa mãn năm nguyện vọng của Phật giáo.

Thấy tình hình bắt đầu căng thẳng, ngày 1 tháng 6, Chính phủ Diệm thay Đại biểu Trung phần Hồ Đắc Khương, Tỉnh trưởng Thừa Thiên Nguyễn Văn Đăng, là những người mà Chính phủ cho là nhu nhược, bằng các ông Nguyễn Xuân Khương (nguyên Tổng giám đốc Điền Địa) và Thiếu tá Nguyễn Mậu (Cần Lao Công giáo) để hai nhân vật này hành động quyết liệt hơn trong việc đàn áp Phật giáo. Chính phủ cũng triệu hồi Thiếu tá Đặng Sĩ về Bộ Nội vụ “để chờ lệnh”.

Trước tình hình nghiêm trọng đó, Bác sĩ Trần Kim Tuyến, dù lúc này đã bị thất sủng không còn quyền hành ảnh hưởng gì nữa, nhưng phần vì ông quen biết nhiều trong giới Phật giáo như Thượng tọa Tâm Châu, các cư sĩ Phật giáo người Bắc di cư, cụ Mai Thọ Truyền (vốn là chuyên viên Phủ Tổng thống), phần vì muốn hòa giải thật sự giữa Chính phủ và Phật giáo, nên ông đưa ra sáng kiến thành lập một ủy ban cao cấp của hai bên để thảo luận hầu giải quyết mọi vấn đề. Do đó, bên Chính phủ thành lập ủy ban Liên Bộ, và bên Phật giáo hình thành ủy ban Liên Phái, có tư cách đại diện chính thức và thẩm quyền thương nghị. Ủy ban Liên Bộ có Phó Tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ và các ông Bộ trưởng Bộ Nội vụ Bùi Văn Lương, Bộ trưởng Quốc phòng Nguyễn Đình Thuần. Còn ủy ban Liên Phái do Thượng tọa Tâm Châu cầm đầu với các Thượng tọa Thiện Hoa, Thiện Minh, Huyền Quang và Đại Đức Thích Đức Nghiệp. (Sáng kiến của Bác sĩ Tuyến được Bộ trưởng Nguyễn Đình Thuần trình cho hai ông Diệm-Nhu).

Trong khi hai ủy ban đang tiến hành những buổi họp thì lực lượng an ninh vẫn bao vây chùa chiền và gia tăng các biện pháp cắt điện, cắt nước tại các

chùa lớn ở Huế và Đà Nẵng. Riêng tại chùa Tỉnh Hội Nhà Trang, cảnh sát và công an còn chằng kềm gai chận đường các Phật tử vào chùa và cản trở việc đi lại của các Tăng Ni từ Sài Gòn về các tỉnh và ngược lại. Cho đến ngày 7 tháng 6, Ủy ban Liên Bộ mới công nhận sự kiện thiếu nghiêm chỉnh đó và gửi văn thư trả lời cho Ủy ban Liên Phái là đã cho cấp lại điện nước và quân đội không chận đường vào chùa nữa. Tất cả những văn thư của hai ủy ban đều có đăng tải trên báo Việt ngữ tại Sài Gòn. Nhưng dù có văn thư chính thức của Ủy ban Liên Bộ, những hành động chống phá Phật giáo vẫn tiếp tục xảy ra tại các địa phương và ngay giữa thủ đô Sài Gòn. Độc hại hơn nữa, chính quyền đã cho một số công an và cảnh sát cạo đầu, giả vờ mặc áo nâu hay áo lam của tăng sĩ để ra chợ chộc gái, ăn thịt, uống rượu, mua hàng không chịu trả tiền,... nhằm mục đích bôi lọ các nhà sư và xuyên tạc cuộc đấu tranh của Phật giáo.

Để đối phó với thái độ phá hoại đó của chính quyền, Phật giáo đành phải lấy những hành động hy sinh quyết liệt hơn mong cảnh tỉnh và khai thông đầu óc giáo điều của cấp lãnh đạo Chính phủ. Trong một ngôi chùa vắng lặng giữa Sài Gòn sôi động, một vị sư già đã lấy một quyết định làm chuyển đổi cả một chế độ với lời nguyện tâm huyết sau đây:

Tôi, pháp danh Thích Quảng Đức, Trụ trì chùa Quan Âm Phú Nhuận, Gia Định.

Nhận thấy Phật giáo nước nhà đang lúc nghiêng ngửa, tôi là một tu sĩ mệnh danh là trưởng tử của Như Lai không lẽ cứ ngồi điềm nhiên tọa thị để cho Phật giáo tiêu vong, nên tôi vui lòng phát nguyện thiêu thân giả tạm này cúng dường chư Phật để hồi hướng công đức bảo tồn Phật giáo.

Mong ơn mười phương chư Phật, chư Đại Đức Tăng Ni chứng minh cho tôi đạt thành ý nguyện sau đây:

- 1. Mong ơn Phật tổ gia hộ cho Tổng thống Ngô Đình Diệm sáng suốt chấp nhận năm nguyện vọng tối thiểu của Phật giáo Việt Nam ghi trong bản tuyên ngôn.*
- 2. Nhờ ơn Phật từ bi gia hộ cho Phật giáo Việt Nam được trường tồn bất diệt.*
- 3. Mong nhờ hồng ân đức Phật gia hộ cho chư Đại Đức, Tăng Ni Phật tử Việt Nam tránh khỏi nạn khủng bố bắt bớ giam cầm của kẻ ác gian.*

4. Cầu nguyện cho đất nước thanh bình quốc dân an lạc.

Trước khi nhắm mắt về cảnh Phật, tôi trân trọng kính gửi lời cho Tổng thống Ngô Đình Diệm nên lấy lòng bác ái từ bi đối với quốc dân và thi hành chính sách bình đẳng tôn giáo để giữ vững nước nhà muôn thủa.

Tôi tha thiết kêu gọi chư Đại Đức Tăng Ni Phật tử nên đoàn kết nhất trí để bảo toàn Phật pháp.

Thích Quảng Đức

(Trích từ Tạp chí Chấn Hưng, số tháng 11 năm 1987 - Los Angeles)

Thế rồi ngày 11 tháng 6 năm 1963, trước vài trăm tăng ni tụ họp tại ngã tư Lê Văn Duyệt và Phan Đình Phùng, Sài Gòn, Hòa thượng Thích Quảng Đức đã tự thiêu, hy sinh nhục thể để hiến mình cho chánh pháp. Người ta thấy Hòa thượng từ trong một chiếc xe bước ra và từ từ tiến tới đám đất trống quỳ xuống, hai tay chắp trước ngực, miệng khoan thai tụng niệm. Một nhà sư trẻ khác xách một thùng xăng tưới vào thân thể Ngài. Hòa thượng châm lửa đốt. Lửa đỏ bốc lên cao nhưng Hòa thượng vẫn ngồi trong tư thế kiết già cho đến khi ngọn lửa bao trùm lấy thân thể, Ngài mới té nghiêng mà hai tay vẫn chắp vào nhau trong sự biểu hiện của Từ Bi, Trí Tuệ và Đại Hùng. Sự hy sinh cao cả của Hòa thượng Thích Quảng Đức, sự hy sinh mà suốt chiều dài lịch sử hai ngàn năm của Phật giáo lần đầu tiên mới xảy ra đã làm chấn động tâm thức của dân tộc. ([Click vào hình xem hình lớn hơn](#))



*Lửa! Lửa cháy ngất tòa sen!
Tám chín phương nhục thể trần tâm hiện thành thơ quỳ cả xuống
Hai vàng sáng rung rung
Đông Tây nhòa lệ ngọc
Chắp tay đón một Mặt Trời Mới Mọc
Ánh đạo vàng phơi phới đang bùng lên, dâng lên.*

...

*Thương chúng sinh trầm luân bể khổ
Người về phăng đêm tối đất dày
Bước ra ngôi nhập định hướng về Tây
Gọi hết lửa vào xương da bỏ ngõ
Phật pháp chẳng rời tay...
(Trích từ *Lửa Từ Bi* của Thi hào Vũ Hoàng Chương,
sáng tác để tưởng niệm Hòa thượng Thích Quảng Đức)*

Cuộc tự thiêu lịch sử của Hòa thượng Thích Quảng Đức đã được nhiều ký giả tên tuổi Hoa Kỳ chứng kiến tại chỗ và đã tường thuật trung thực như David Halberstam, Neil Sheehan, nhiếp ảnh gia Malcolm Brown... Ký giả Neil Sheehan, tác giả “The Pentagon Papers”, đã phát hành cuốn “A Bright Shining Lie” vào năm 1988, viết như sau: (tr. 334):

“... Tôi trở lại Việt Nam đúng lúc để được thấy chế độ đang khiêu khích sự chống đối trong các thành phố và tỉnh lỵ, bằng cách cũng ngược đãi và ngạo mạn như đã gây phần nô ở thôn quê. Ngày 8 tháng 5 năm 1963, dòng họ Ngô Đình đã phát động phong trào khủng bố Phật giáo. Một toán Bảo An do một sĩ quan Công giáo điều động đã giết chết 9 người trong số đó có vài trẻ em, gây thương tích cho 14 người khác trong một đám đông ở Cổ đô Huế. Đám đông đó đang phản đối sắc lệnh cấm treo cờ ngày lễ Phật Đản năm thứ 2587. Ông Diệm ban hành sắc lệnh theo sự xúi dục của người anh cả là ông Thục, Tổng Giám mục ở Huế và là người lãnh đạo hàng giáo phẩm Công giáo ở Nam Việt Nam năm 1963. Khi ông Thục ăn mừng 25 năm được lên làm Giám mục trước đó vài tuần, dân Công giáo treo cờ Vatican khắp thành phố Huế, nơi dòng họ Ngô Đình cư ngụ. Sau vụ giết người, ông Diệm và gia đình đã lộ rõ chân tướng. Họ không muốn làm nguôi lòng các nhà lãnh đạo Phật giáo. Những vị sư này đã bị đố kỵ trong 9 năm vì kỳ thị tôn giáo. Thay vì thay đổi, họ lại ra tay tiêu diệt những nhà lãnh đạo Phật giáo như họ đã từng tiêu diệt giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo và quân phiến loạn Bình Xuyên năm 1955.

Những vị sư đã chống lại bằng phương thức của người Việt Nam. Buổi sáng ngày 11 tháng 6 năm 1963, một nhà sư già 73 tuổi tên là Thích Quảng Đức đã ngồi gài một ngã tư đường Sài Gòn, cách tư dinh của Đại sứ Mỹ Nolting có vài dãy phố. Nhà sư Quảng Đức ngồi theo thế kiết già, trong khi đó một vị sư khác, với cái bình 5 gallon bằng mủ, đổ xăng xuống chiếc đầu cạo trọc, xăng ướt đầm cả áo cả sa màu vàng. Vị sư già cử động nhanh, tay đưa ra khỏi vạt áo để quẹt diêm, đốt sáng cơ thể thành một biểu tượng của phần nô và hy sinh và đã nhóm mỗi lửa uất hận trong các trung tâm đô thị của miền Nam Việt Nam”.

Những biến cố lịch sử trên đây đã được hàng triệu người dân Việt Nam chứng kiến cũng như rất đông người ngoại quốc và ký giả quốc tế có mặt tại chỗ lúc bấy giờ đã ghi nhận và tường thuật trên báo chí hay sách vở. Thế mà vẫn có những trí thức Công giáo đã không cảm thông, chia sẻ sự nhục nhằn và đau khổ của Phật giáo, lại đang tâm bóp méo sự thật lịch sử để chạy tội cho chế độ Ngô Đình Diệm. Ông Cao Thế Dung (trong cuốn “Làm thế nào để giết một Tổng thống”), ông Nguyễn Trân (trong cuốn “Công và Tội”) đã ngụy tạo vụ ném lựu đạn làm chết người tại Huế là do hành động của một Đại úy nhân viên CIA. Còn ông Nguyễn Văn Chức trong cuốn “Việt Nam Chính Sử hay là những sai lầm và gian trá trong Việt Nam Máu lửa Quê Hương Tôi của Đỗ Mậu” đặt nghi vấn: không cho rằng Hòa thượng Quảng Đức đã tự thiêu mà Ngài đã bị một người khác đốt, mặc dù Hòa thượng

Quảng Đức đã có lời di chúc trước khi tự thiêu, và mặc dù Hòa thượng Tâm Châu đã có lời minh xác về hành động tự thiêu của Hòa thượng Quảng Đức trên tạp chí Chân Hưng số tháng 11 năm 1987.

Trong lịch sử cận đại của con người, chưa thấy cái chết nào oai linh và có ảnh hưởng sâu rộng như cái chết Quảng Đức. Hòa thượng Quảng Đức chết đi để cho Bồ Tát Quảng Đức xuất hiện hầu khai sinh một sức mạnh đại hùng, đại lực mà lại đại từ, đại bi. Ý nghĩa Bồ Tát đích thực của sự hy hiến cao quý là Cho Vui và Cứu Khổ mà trước hết là cứu lấy chính những kẻ cầm quyền đang bị nghiệp chướng nghiệt ngã kèm tủa trong những vọng động u mê. Mục đích Bồ Tát đích thực của cái chết lẫm liệt này là Giải thoát và Khai ngộ, mà trước hết là giải thoát chính chế độ Ngô Đình Diệm khỏi những mê lầm mộng ảo về quyền lực và tính độc tôn.

Nhưng anh em Ngô Đình Diệm và những kẻ chỉ biết dùng bạo lực để đối phó với tình thương đã không biết đến hoặc không thèm để ý đến ý nghĩa cao đẹp và mục tiêu vị tha đó, nên sự hy sinh cao quý của Hòa thượng Thích Quảng Đức đã bị chính quyền Ngô Đình Diệm đánh giá như một sự khiêu khích mà thôi.

Trên mặt quần chúng, ngọn lửa tự thiêu của Hòa thượng Quảng Đức đã thúc đẩy thêm ngọn lửa chống đối chế độ Cần Lao Công giáo. Tổng thống Diệm vội vã gửi thông điệp kêu gọi dân chúng bình tĩnh, trong đó có câu: “Mọi sự khó khăn sẽ được giải quyết trên căn bản lương tri và ái quốc, trong tình đoàn kết huynh đệ... Không nên tin có âm mưu trì hoãn giải quyết các vấn đề, sau lưng Phật giáo trong nước hãy còn Hiến pháp, nghĩa là có tôi”.

Sau khi thông điệp của Tổng thống được công bố vào ngày 14 tháng 6 năm 1963, hai Ủy ban Liên Bộ và Liên Phái lại tái họp tại Hội trường Diên Hồng. Cùng ngày ấy, Hội đồng Tướng lãnh ra thông cáo kêu gọi “đoàn kết, bình tĩnh, tránh sự hiểu lầm, đặt quyền lợi quốc gia trên hết, và mong các vấn đề được giải quyết trong tình huynh đệ”.

Ngày 16 tháng 6 năm 1963, để tìm hậu thuẫn của công luận khách quan trên thế giới và để bảo đảm thêm sự an toàn của cuộc đấu tranh, gần 200 tăng ni đã tập họp biểu tình trước Tòa Đại sứ Hoa Kỳ để yêu cầu ủng hộ Phật giáo đạt được năm nguyện vọng. Đồng thời, độ ba ngàn đồng bào đến chùa Giác Minh để dự tang lễ Hòa thượng Quảng Đức, nhưng đám tang đã phải dời lại vì bị cảnh sát dã chiến dùng lựu đạn cay giải tán. Cuộc xô xát này gây cho cảnh sát bị thương 12 người và dân chúng bị bắt 251 người. Cũng cùng

ngày, hai Ủy ban Liên Bộ và Liên Phái, sau ba ngày đêm thảo luận, đã hình thành được một bản Thông Cáo Chung xác định những điểm đã thỏa thuận về cách thức treo Quốc kỳ và Phất kỳ, xét lại dụ số 10 về quy chế tôn giáo, điều tra các vụ bắt bớ và khoan hồng với những người tranh đấu cho Phật giáo, dành mọi dễ dàng cho các hoạt động tôn giáo, trừng trị nhân viên có lỗi, bồi thường cho các nạn nhân. Bản thông cáo này có mang chữ ký và triện của Tổng thống Diệm.

Sau bản thông cáo chung đó, để chứng tỏ thiện chí hòa hợp với Chính phủ, Ủy ban Liên Phái bèn quyết định hạn chế số người tham dự đám tang Hòa thượng Quảng Đức lại chỉ còn 300 tăng ni và các nhà báo mà thôi để tránh sự tụ họp quá đông đảo của dân chúng, là cơ hội cho những phần tử phá hoại đặc công Việt Cộng lợi dụng xáo động. Do đó, tang lễ của Hòa Thượng Quảng Đức đã được cử hành một cách trang trọng trong trật tự, không có một đụng độ nào giữa nhân viên công lực và dân chúng. Sau khi nhục thể của Hòa Thượng được hỏa thiêu tại lò An Dưỡng Địa Phú Lâm, xá lợi của Ngài được đựng trong bình mang về thờ ở Chùa Xá Lợi.

Rõ ràng là với sự hình thành của bản Thông Cáo Chung và hình thức trang nghiêm giản dị của tang lễ Hòa thượng Quảng Đức, Phật giáo đồ đã xác định một thái độ chính trị, nêu gọi đó là chính trị, rất minh bạch và hợp lý là:

... dù đấu tranh với một chế độ độc tài, một chánh sách tiêu diệt Phật giáo như thế, Phật giáo, ngay từ đầu cho đến khi chấm dứt cuộc vận động, từ bản Tuyên Ngôn về năm nguyện vọng của Tăng tín đồ cho đến tất cả mọi tuyên bố và văn thư gửi cho chính quyền về sau, dù công khai hay bí mật, đều hoàn toàn không đặt vấn đề thay đổi chế độ, lật đổ chính quyền mà chỉ đặt vấn đề cải thiện chính sách. Không nhằm mục đích tranh thủ quyền hành mà chỉ nhắm đến mục tiêu tự do tín ngưỡng và công bằng xã hội, không muốn tìm kiếm những đặc quyền đặc lợi mà chỉ muốn được đối xử một cách bình đẳng theo một quy chế chung cho mọi tôn giáo chứ không riêng cho một tôn giáo nào. Nói cách khác, Phật giáo không chống lại những lý tưởng về Tự Do, Dân Chủ của một nền Cộng Hòa chân chính mà ngược lại, chính vì cái lý tưởng Tự Do, Dân Chủ đó mà chống lại cái thực tế bất công độc tài của một nền Cộng Hòa giả mạo để cho lý tưởng Tự Do, Dân Chủ trở thành sự thật, và từ đó để cho công cuộc chống Cộng có ý nghĩa và có được cái sức mạnh cần thiết⁷.

Với thiện chí của Ủy Ban Liên Phái, nếu Chính phủ quả thật muốn giải quyết vấn đề Phật giáo theo tinh thần “huynh đệ” thì chỉ cần Chính phủ thi

hành ngay những điều khoản trong Thông Cáo Chung, những điều khoản đơn giản, hợp pháp, chính đáng, mà với tư cách một Tổng thống đã được Quốc hội ủy cho toàn quyền hành động, có thể giải quyết ngay vụ Phật giáo trong một ngày là xong. Khốn nỗi Thông Cáo Chung ra đời ngày 16 tháng 6 năm 1963 mà mãi đến ngày 28 tháng 6 năm 1963, nghĩa là 12 ngày sau, Phó Tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ mới thông báo cho Ủy ban Liên Phái biết rằng: “Bộ Nội vụ sẽ ra Nghị định về việc treo cờ, Dự số 10 sẽ được áp dụng “linh động”, một số sinh viên và Phật tử đã bị bắt sẽ được thả nhưng có một số sinh viên phải ra Tòa, chỉ Bộ Nội vụ mới được quyền kiểm tra các chùa chiền, hồ sơ tạo mãi sẽ được xét mau lẹ, việc bồi thường các nạn nhân phải đợi điều tra”.

Nội dung bức thư đã nói lên một cách dứt khoát thái độ Chính phủ không muốn thi hành bản thông cáo chung: tại sao dự số 10 lại được áp dụng một cách “linh động”?, tại sao chưa chịu bồi thường cho các nạn nhân mà còn phải đợi điều tra?, tại sao không nói đến trường hợp của Thiếu tá Đặng Sĩ, người đã gây ra vụ đổ máu ở đài phát thanh Huế?, tại sao chính phủ chỉ lo thể lệ treo cờ, lo kiểm tra chùa chiền còn những nguyện vọng căn bản về hành đạo của Phật giáo lại không được thỏa mãn? Trong lúc đó bà Ngô Đình Nhu lập đi lập lại nhiều lần lời tuyên bố “vỗ tay hoan nghênh các vụ tự thiêu” mà bà ta gọi là những vụ “nướng thịt” (barbecue) và “nếu ai còn muốn tự thiêu mà thiếu dầu xăng thì tôi sẽ cho”.

Sau văn thư của Phó Tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ lộ rõ âm mưu trì hoãn việc thi hành Thông Cáo Chung lại đến những thủ đoạn của chính quyền muốn tiêu diệt lực lượng Phật giáo Việt Nam mà lúc bấy giờ Ủy Ban Liên Phái đang là đại diện. Một trong những thủ đoạn đó là xuyên tạc tính chất đại diện chính thức và chính đáng của Ủy Ban Liên Phái. Ngày 20 tháng 6 năm 1963, nghĩa là mười ngày sau khi thông cáo chung ra đời, Chính phủ tập họp các tăng sĩ thuộc phái Cổ Sơn Môn tại Phú Thọ Hòa, dưới quyền chủ tọa của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Bùi Văn Lương, để lập kiến nghị ủng hộ Chính phủ và đặc biệt đánh điện qua Tích Lan yêu cầu Giáo Hội Phật Giáo Thế giới “can thiệp và ngăn cản” cuộc đấu tranh của Phật giáo Việt Nam. Đồng thời cũng được phối hợp trong ngày hôm đó, Ngô Đình Nhu và Cao Xuân Vỹ huy động Thanh niên Cộng Hòa tổ chức một cuộc biểu tình có cảnh sát hộ tống, yêu cầu Tổng thống Diệm duyệt lại bản Thông Cáo Chung. Ngày 26-6, Thượng tọa Thiện Minh gửi văn thư lên Chính phủ phản đối sự kiện “*Bản Thông Cáo Chung không được thi hành và chính quyền đã có những hành động, những âm mưu không muốn thỏa hiệp. Tại miền Trung, các*

chính quyền địa phương vẫn tổ chức mít tinh lên án Phật giáo, vẫn cản trở việc đi lại của các Tăng Ni, vẫn phong tỏa chùa chiền”...

Trong lúc cuộc tranh chấp đang đi vào giai đoạn căng thẳng vì thái độ ngoan cố của chánh quyền và nhất là vì các thành phần khác của dân tộc ý thức được tính cách liên đới ruột thịt với Phật giáo đồ đang chống bạo quyền nên đã công khai và đông đảo ủng hộ, thì ngày 5 tháng 7, Chính phủ Diệm lại phạm thêm một lỗi lầm chính trị khác bằng quyết định đem 19 quân nhân và 34 nhân sĩ của vụ “phản loạn Nhảy Dù 11-11-1960” ra xét xử tại Tòa án Quân sự Đặc biệt Sài Gòn. Quyết định của anh em ông Diệm nhằm vào thời điểm đặc biệt đó phát xuất từ tính chủ quan mù quáng, tưởng có thể dùng vụ án như một hình thức cảnh cáo để hăm dọa trí thức, sinh viên và đảng phái đang mỗi ngày một đông đảo ủng hộ cuộc đấu tranh của Phật giáo. Từ đó, vấn đề đang được giới hạn trong một tôn giáo và những quy chế đặc thù có tính xã hội, bỗng trở thành một cuộc khủng hoảng có tính chính trị và liên hệ đến mọi thành phần khác của đại khối dân tộc.

Ngày 7 tháng 7, trong lúc dinh Gia Long đang hân hoan yến tiệc kỷ niệm lễ “Song Thất” thì trong một căn phòng cô đơn của Thủ đô Sài Gòn, văn hào Nhất Linh, nhà cách mạng Nguyễn Tường Tam, con người suốt đời hiến thân cho quê hương đất nước đó, uống độc dược để kết liễu đời mình với lời di chúc sang sảng hào hùng như bản án kết tội phản quốc của chế độ Ngô Đình Diệm:

Đời tôi để lịch sử xử. Tôi không chịu để ai xử cả. Sự việc đem các đảng phái quốc gia đối lập ra xét xử là một trọng tội đối với quốc gia, chỉ đưa đất nước rơi vào tay Cộng Sản. Vì thế tôi tự hủy mình cũng như Hòa Thượng Thích Quảng Đức đã tự thiêu là để cảnh cáo những ai chà đạp mọi thứ tự do.

Ký tên: Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, ngày 7 tháng 7 năm 1963

Cái chết bất khuất của văn hào Nhất Linh Nguyễn Tường Tam quả thật đã như một ngọn lửa oai hùng nung nấu tâm can nhân dân cả nước, đặc biệt là giới sinh viên trí thức trẻ, từ lâu đã xem ông như một khuôn mẫu của kẻ sĩ thời đại. Cái chết đó không khác gì hiệu lệnh cuối cùng trước lệnh xuất quân của quốc dân Việt, thế mà những con người mất hết lương tri của dòng họ Ngô Đình vẫn tiếp tục chính sách tiêu diệt Phật giáo không một phút hồi tâm. Những bước sa lầy, tội lỗi của chế độ lại tiếp tục.

Ngày 12 tháng 7, Đại tá Đỗ Cao Trí, em ruột của Dân biểu gia nô Đỗ Cao Minh, được thăng Thiếu tướng và được đặc cử giữ chức Tư lệnh quân đoàn I thay thế cho tướng Lê Văn Nghiêm bị nghi ngờ thân Phật giáo, để Trí thăng tay đàn áp cuộc tranh đấu ở Huế và miền Trung.

Ngày 23 tháng 7, Trung tá Trần Thanh Chiêu, một Cần Lao Công giáo giám đốc Nha Dân Vệ, điều động 100 dân vệ và thương phế binh đến biểu tình trước chùa Xá Lợi chăng biểu ngữ đòi hỏi “đoàn kết để tránh mọi sự lợi dụng của Việt Cộng”.

Ngày 3 tháng 8, trong lời hiệu triệu Phụ nữ Bán Quân Sự, bà Ngô Đình Nhu lên án những vụ tranh đấu tôn giáo và qua ngày 8-8, để gián tiếp trả lời câu khiển trách “thiếu lễ độ đối với Phật giáo” của thân phụ là Đại sứ Trần Văn Chương trên đài VOA ngày 6-8, bà Nhu nhận là có thiếu lễ độ nhưng cho đó là một thái độ cần thiết. Bà cũng cảm ơn ông Đại sứ đã cho bà một dịp để bà bày tỏ ý kiến (!). Ngày hôm sau, 9-8, bà Nhu lại trả lời cuộc phỏng vấn của tờ New York Times bằng lập trường: “Quyết liệt đối phó với cuộc tranh đấu hiện nay của Phật giáo”.

Theo David Halberstam, sau khi thông cáo chung ra đời, trong một buổi ăn sáng tại dinh Gia Long, bà Nhu đã nặng lời trách móc ông Diệm: “Anh đã đánh tan Bình Xuyên, đánh bại Hòa Hảo, dẹp yên Nhảy Dù mà bây giờ anh lại chịu thua mấy tên nhà sư khốn nạn không có một tác sắt trong tay. Anh là đồ hèn, anh là sứa”. Bị bà Nhu nặng lời chỉ trích, ông Diệm chỉ còn biết phân trần với em dâu: “Thím không hiểu rõ vấn đề, vụ Phật giáo còn liên hệ rắc rối với quốc tế, chúng ta sẽ giải quyết”⁸.

Không riêng ở Sài Gòn ông Nhu đòi “duyet lại bản thông cáo chung”, bà Nhu đòi “đôi phó quyết liệt với vụ tranh đấu của Phật giáo” mà tại Huế, ông Ngô Đình Thục cũng khinh thường cuộc đấu tranh của Phật giáo, coi quyết tâm vùng lên sau bao năm bị áp bức đó chỉ như “một ngọn lửa rom, bùng lên rồi tắt, có chi mà sợ” (Theo Bên Dòng Lịch Sử của Linh mục Cao Văn Luận).

Trước dã tâm của anh em nhà Ngô, và mặc dù lực lượng an ninh được tăng cường khắp nơi (riêng tại Sài Gòn, Chính phủ đưa về hai tiểu đoàn Thủy Quân Lục Chiến và hai tiểu đoàn Nhảy Dù), phong trào đấu tranh càng trở nên kiên cường, toàn diện và mãnh liệt hơn. Tại nhiều tỉnh, các Đại đức, Ni cô tiếp tục tự thiêu, các Phật tử tiếp tục biểu tình, tuyệt thực, các sinh viên y khoa, luật khoa, văn khoa, học sinh các trường Chu Văn An, Trương Vĩnh

Ký, Gia Long, Trưng Vương,... bãi khóa, xuống đường, hội thảo. Sư Bà Diệu Huệ, thân mẫu của Đại sứ Bửu Hội, cũng đòi tự thiêu và nữ sinh Mai Tuyết An, 18 tuổi ở Thị Nghè, sau khi đi Chùa về đã cầm dao chặt tay để phản đối lời tuyên bố của bà Nhu. Nhiều đảng viên của các đảng Đại Việt, Việt Quốc, Duy Dân ở Sài Gòn và các tỉnh đã tích cực hoạt động yểm trợ cho Phật giáo. Đặc biệt giới trí thức và nhân sĩ, dù âm thầm hay công khai, đều chống lại nhà Ngô mà điển hình là giáo sư Phạm Biểu Tâm, Khoa trưởng Đại học Y khoa, một nhân vật có uy tín lớn lao được giới trí thức và sinh viên rất trọng vọng (đã hai lần được ông Diệm mời làm Bộ trưởng mà vẫn từ chối) và một số giáo sư bị bắt. Linh mục Cao Văn Luận, Viện trưởng Viện Đại học Huế, vì ủng hộ phong trào sinh viên tranh đấu nên cũng bị cất chức ngày 16 tháng 8 năm 1963.

Đến đây thì cuộc tranh đấu đã thật sự có tầm vóc quốc gia. Những phần uất cam nín, những đày đoạ nhục nhằn, những áp bức tàn bạo bị dồn nén từ chín năm nay trên mọi miền đất nước, trong mọi tấm lòng của nhân dân, đã nổ bùng lên, kết hợp với phong trào đấu tranh của Phật tử để trực diện đối phó với một chính quyền lạnh lùng và hiểm độc. Những danh từ mỹ miều của ông Diệm như “luong tri”, “ái quốc”, như “giải quyết trong tình huynh đệ” đã bị chính ông và tập đoàn Cần Lao Công giáo do anh em ông lãnh đạo chà đạp xuống đất. Dân chúng vốn đã không tin vào sự “thành tín” của ông, vốn đã kinh qua trăm đắng ngàn cay do chế độ ông tác hại, thì giờ đây sự công phần tích tụ từ lâu chỉ có thể biểu hiện bằng một thái độ mà thôi: Những kẻ bị đàn áp cùng đứng chung một chiến tuyến để chống lại tập đoàn thống trị.

Ngay cả nhà tôi, dù suốt đời vẫn quen sống trong gia đình, thủ phận nuôi chồng nuôi con, một năm chỉ lên chùa vào ngày Tết và Lễ Phật Đản, Lễ Vu Lan, và dù biết chồng là một cán bộ rường cột của Tổng thống Diệm, nhưng trước hành động hung hãn của nhóm Công giáo Cần Lao khi đối với các nhà tu hành cô thế, cũng đã bí mật gia nhập vào các hoạt động quần chúng để giúp các chùa trong cơn Pháp nạn tại Nha Trang, nơi nhà tôi và các con nhỏ đang cư ngụ lúc bấy giờ. Tại thành phố nhỏ này, từ ba tháng nay nhiều chùa đã bị canh phòng theo dõi, riêng chùa Tỉnh Hội, ngôi chùa lớn nhất Khánh Hòa bị cô lập, cúp điện, cúp nước và bị cắt đứt mọi nguồn tiếp tế của Phật tử. Nhiều Tăng Ni bị đánh đập, trói lại và giam tại quân lao, còn Thầy Trụ trì và Thầy hội trưởng Thích Đức Minh thì bị tra khảo mang thương tích nặng nề. Do đó, một mặt nhà tôi bí mật liên lạc với các nhân sĩ có uy tín tại Nha Trang như gia đình cụ Thượng thư Trí sĩ Tôn Thất Toại, cụ Phủ Tâm, Huyện Túng (thân sinh của lãnh tụ sinh viên trường Luật Nguyễn Hữu Doãn), cụ Bùi Liên (thân phụ giáo sư Bùi Ái hiện ở Pháp), gia đình cụ Võ

Đình Dung, Võ Đình Thụy, gia đình bác sĩ Trần Kiên Phán (hiện ở Los Angeles) gia đình ông Phó Tỉnh trưởng Lê Bá Chấn (hiện ở Pháp), gia đình giáo sư Ứng Trung... bí mật lập ủy ban cứu đói cho gần 300 Tăng Ni và Phật tử đang bị bao vây trong ngôi chùa Tỉnh Hội. Nhà tôi còn tác động tinh thần Đại úy Lê An có nhà ở cạnh chùa để dùng làm trạm liên lạc với chùa và để chứa thực phẩm hầu chuyên vào chùa trong đêm khuya. Mặt khác, cùng với một số đông đảo quân nhân Phật tử, nhà tôi tổ chức một cuộc “vượt ngục” cho các nhà sư đang bị giam ở quân lao, đưa Thầy Hội trưởng về nhà riêng ẩn trốn để Thầy tiếp tục lãnh đạo cuộc đấu tranh cho đến ngày cách mạng 1 tháng 11 năm 1963 bùng nổ.

Tôi không trách nhà tôi đã bày tỏ lập trường ủng hộ cuộc đấu tranh của Phật giáo, vì người đàn bà Việt Nam, nhất là con nhà gia giáo bảo thủ ai lại không động lòng trắc ẩn từ tâm, hướng chi động cơ của việc làm đó lại là vì đạo nghĩa. Cái gì đã làm cho một người đàn bà từ 30 năm nay chỉ biết lo cho chồng con hạnh phúc, nhà cửa êm ấm, chưa hề tham dự một sinh hoạt tập thể công khai nào, bỗng vùng lên vào chôn nguy hiểm đấu tranh mà trong thâm tâm dù biết có thể gây lo buồn cho chồng con, có thể làm đổ vỡ sự nghiệp vững vàng của chồng trong chế độ Diệm (thay vì khuyên chồng theo đạo Công giáo để được thăng quan tiến chức như một số bà vợ sĩ quan khác) ? Cái gì đã làm cho một người đàn bà sợ mưu kế, ghét thủ đoạn, dám dấn thân vào công tác bí mật tổ chức cho tội nhân của Chính phủ vượt ngục? Cái gì đó chắc chắn phát sinh từ sự mộc mạc và chân thành của một người đàn bà lấy đạo đức và chân chính làm khuôn thước đo lường nhân thế: Một người dân trong mười mấy triệu người dân của miền Nam sống dưới chế độ bạo quân của anh em ông Ngô Đình Diệm lúc bấy giờ.

Trong lúc đó thì bề ngoài tôi vẫn hành xử như một Giám đốc Nha An Ninh Quân đội của chế độ, nhưng bề trong thì con người cán bộ tiên phong xa xưa của tổ chức Ngô Đình Diệm bắt đầu chỗi dậy để tìm phương thế cứu lấy thầy mình trong cơn hoạn nạn. Nếu con người của chế độ đã chán chường bất mãn thì con người cán bộ lại thao thức băn khoăn, vì phương thế duy nhất mà tôi suy nghĩ phải đủ cứng rắn để tỉnh thức ông Diệm dù trong cái liên hệ thăm thiết giữa ông và tôi từ 20 năm qua có một điểm không tương đồng lớn nhất, đó là niềm tin tôn giáo.

Thật vậy, từ lâu, theo lời Trung tá Nguyễn Văn Châu ở cạnh nhà cho tôi biết thì ông Diệm thường dò hỏi nếp sống trong gia đình tôi, đặc biệt là việc thờ tự. Châu cho ông biết trong nhà tôi có bàn thờ Phật, bàn thờ ông bà rất tôn nghiêm, nhất là vào các dịp Tết nhất cúng kỵ rất trang trọng. Trong thư

phòng của tôi lại có tượng Đức Khổng Tử tỏ ra tôi là con người nặng lòng với nền Tam Giáo. Ông Diệm đã biết thế mà nhiều đêm thầy trò đàm đạo, có lẽ vì muốn thuyết phục tôi nên ông không ngại ngừng mĩa mai chỉ trích đạo Phật là thứ đạo mê tín dị đoan, còn các nhà sư thì quê mùa dốt nát, chẳng qua vì nghèo đói, không có nghề nghiệp sinh nhai nên mới phải nương thân nơi cửa chùa lo việc gánh nước quét lá để kiếm nắm xôi miếng oản, rồi lâu ngày thành ra sư nọ sư kia. Ông lại ca ngợi đạo Công Giáo là thứ đạo văn minh khoa học, thứ đạo quốc tế với bảy trăm triệu tín đồ trên khắp thế giới năm châu. Rồi ông khuyến dụ tôi nên theo đạo Công giáo. Nghe ông phê phán như vậy tôi chỉ cười thầm trong bụng, tôi biết ông cũng có đọc Nho, Lão, Phật nhưng ông không thể hiểu cái tinh túy của Đạo Phật, cái triết lý cao thâm của Phật Giáo. Trái lại, trong cái hiểu biết của tôi thì Kinh Thánh và tôn giáo của ông có nhiều điều vô lý, phản khoa học, phản con người, và lịch sử Giáo hội cũng như chính bản thân một số Giáo Hoàng đã gây nhiều tội ác đối với nhân loại. Đặc biệt nhất là tôi chưa cảm nhận được tình tự dân tộc, bản chất Việt Nam trong Thiên Chúa giáo như trong đạo Phật, tuy nhiên, vì nặng nghĩa thầy trò nên tôi không muốn tranh cãi với ông. Vì vậy, mỗi lần ông đưa lời khuyến dụ tôi cải đạo, tôi chỉ dùng lời khôn khéo để chối từ: “Thưa Cụ, tôi còn có người anh quyền huynh thế phụ đã trên 60 tuổi, anh tôi hết sức bảo thủ, lại đang là khuôn trưởng khuôn A-Dục Phật giáo tại Nha Trang và là hội viên ban quản trị Hội Không học Khánh Hòa, vậy xin Cụ đợi khi nào anh tôi qua đời tôi sẽ xét lại vấn đề niềm tin rất quan trọng này”. Tôi chỉ nói dài đưa cho qua câu chuyện, cho ông Diệm khỏi buồn lòng, chứ con người của tôi vốn từ bùn lầy nước đọng của quê hương nghèo nàn khốn khổ mà xuất thân sau khi đã nổi trôi bao cuộc bể dâu thì dù sao cũng có thể gọi là đã trải mùi nhân thế, làm sao tôi lại có thể dễ dàng bỏ đạo của dân tộc, của cha ông như một số Bộ trưởng, tướng tá khác. Huống chi thứ nhất là tôi không tìm thấy ở một đạo nào khác nhân bản và dân tộc bằng đạo Phật, thứ hai là tôi không vì lợi danh mà dẹp bỏ “hồn nước với lễ gia tiên” dù tôi là kẻ ít học nhưng cha chú tôi đều là những người theo đòi nghiên bút, học đạo Thánh hiền, nhạc gia tôi đã từng cởi áo từ quan, tiền nhân nhà tôi đã có nhiều người tham gia phong trào Cần Vương, phong trào “Bình Tây Sát Tà”. Huống gì tôi vì đi lính Khố Xanh cho Pháp mà cảm nhận được cái nhục chung của dân tộc nên đã công phần chống Pháp, làm tiểu đoàn trưởng cho Việt Minh rồi lại phản tỉnh chống Việt Minh, làm sĩ quan dưới quyền tướng Hinh mà dám công khai chống lại tướng Hinh, làm cán bộ dưới chế độ mà dám coi thường Cố vấn Ngô Đình Nhu, Ngô Đình Cẩn, nghĩa là luôn luôn ở vào cái thế bị đấu tranh để giữ lấy hương sen trong bùn hôi, nay há lại bôi đen lòng mình, bỏ nền phong hóa đạo lý của cha ông để

theo một tôn giáo mà mình không thể chấp nhận được cả về khía cạnh tín ngưỡng lẫn khía cạnh lịch sử đối với dân tộc.

Vì ông Diệm đã biết rõ cuộc đời của tôi, chí hướng tôi, gia cảnh tôi, nhất là lập trường tôn giáo của tôi nên tôi càng phân vân khó xử trước hoàn cảnh đất nước lúc bấy giờ, lúc mà anh em ông ta đang vận dụng toàn bộ sức mạnh của chế độ để đàn áp Phật giáo. Tôi đoán ông đang thắc mắc về tôi, đang ngờ vực lòng dạ của tôi, vì từ ngày xảy ra biến cố Phật giáo, ông ít gọi tôi vào Dinh như chỉ cách đó mấy tháng. Những lúc có công việc khẩn cấp cần phải gặp, tôi thấy ông không còn có thái độ mặn mà tình nghĩa như trước. Trong lúc đó thì những người bạn chí thân của tôi mà cũng là cán bộ của ông Diệm như ông Nguyễn Đôn Duyên (làm ở Bộ Ngoại Giao), như ông Võ Như Nguyễn (Giáo sư Hán Học ở Huế), đều đã bày tỏ quyết liệt lập trường thân Phật giáo chống lại chế độ. Ông Võ Như Nguyễn sau khi mất chức Tỉnh trưởng tỉnh Bình Định, thấy ông Ngô Đình Cẩn và nhóm Công giáo Cần Lao mỗi ngày mỗi lộng hành tàn bạo, bèn đem cả nhà lên chùa qui y (xem thư ông Nguyễn gửi cho ông Hoàng Đồng Tiểu trong phần Phụ lục). Trong cuộc đấu tranh của Phật giáo, ông Nguyễn cùng với các giáo sư đại học Huế ký tuyên ngôn kết tội nhà Ngô nên đã bị bắt giam.

Trước hoàn cảnh khó xử đó, và trong khi tìm phương cách giải quyết được cuộc khủng hoảng, tôi giữ thái độ trung lập, không theo chế độ để phản lại niềm tin nhân bản của mình, mà cũng không theo Phật giáo để phản lại vị thầy cũ. Hơn nữa, dù ông Diệm có nghi ngờ tôi nhưng ông vẫn chưa đối xử với tôi một cách cạn tài ráo máng như đã đối với tướng Lê Văn Nghiêm, một người bạn thân của tôi. Trái với thái độ đó của ông Diệm, ông Nhu cứ muốn đẩy tôi vào chân tường, dùng độc kế ly gián để cho Phật giáo và đồng bào hiểu lầm tôi.

Lần thứ nhất, ông Nhu điện thoại ra lệnh cho tôi bảo dùng máy viễn liên gọi thẳng tướng Lê Văn Nghiêm, Tư lệnh Quân Đoàn I, về Sài Gòn trình diện ngay Tổng thống. Về Sài Gòn, Tổng thống ra lệnh cho ông Nghiêm phải tức khắc giao chức Tư lệnh Quân đoàn cho tướng Đỗ Cao Trí. Tướng Nghiêm bất mãn bèn đến gặp tôi và tức giận hỏi tôi đã báo cáo những gì làm cho ông ta bị mất chức một cách vô lý, nhục nhã như vậy. Lúc đó tôi mới hiểu vì sao ông Nhu không gọi thẳng tướng Nghiêm mà lại ra lệnh cho tôi gọi. Tôi đã hết sức phân trần nhưng có lẽ đã không giải tỏa được thắc mắc của Tướng Nghiêm, cái thắc mắc vì sao Phủ Tổng thống không gọi thẳng cho ông ta, một Thiếu tướng hai sao, vào trình diện mà lại phải qua Giám đốc An Ninh Quân Đội, một Đại tá.

Lần thứ nhì, cũng bằng điện thoại, ông Nhu ra lệnh thẳng cho tôi phải bắt giam giáo sư Trần Quang Thuận (hiện ở Los Angeles), một trí thức Phật giáo nổi tiếng chống đối chế độ. Làm như vậy, ngoài việc ông Nhu muốn ly gián tôi với hàng ngũ Phật tử và thành phần trí thức, ông còn muốn ném đá dẫu tay vì Trần Quang Thuận thuộc con nhà dòng dõi cụ Thân Thần, vốn là bạn thân của cụ Ngô Đình Khả, Thuận lại là cháu rể của ông Tôn Thất Thiết đang giữ chức Giám đốc Sở Nội Dịch Phủ Tổng thống. Lần này, biết được thủ đoạn của Ngô Đình Nhu và vì muốn giữ thái độ trung lập, tôi cho mời Trần Quang Thuận đến văn phòng và cho biết tôi được lệnh của ông Cố vấn bắt giam ông ta. Tuy nhiên, tôi chỉ khuyên ông nên hoạt động kín đáo hơn, nhất là bớt những luận điệu chống đối nhà Ngô đi, rồi để cho ông về ngay mà không giam giữ một giờ phút nào.

Lần thứ ba, qua tướng Trần Thiện Khiêm, Tham mưu trưởng Bộ Tổng tham mưu, ông Nhu trao cho tôi một danh sách gồm độ vài mươi nhân vật trí thức tại Sài Gòn, ra lệnh phải bắt giữ và điều tra vì họ có tội hoạt động chống Chính phủ. Một lần nữa, tôi biết ông Ngô Đình Nhu muốn tôi nhúng tay vào tội ác qua việc bắt giữ những nhân vật dân sự không thuộc thẩm quyền của tôi. Dù vậy, vì hệ thống chính quyền của ông Nhu còn chặt chẽ nên tôi vẫn phải thi hành lệnh của ông Cố Vấn Tổng thống quyền uy tột đỉnh đang điều khiển mặt trận tiêu diệt Phật giáo.

Vì số người định bắt giữ quá đông, tôi chia ra làm nhiều đợt và bắt giữ nhiều nơi. Đối với số nam nữ giáo sư của trường Chu Văn An, Petrus Ký, Trưng Vương, Gia Long, Võ Trường Toản... và một số luật sư, bác sĩ, đích thân tôi mời họ lần lượt đến văn phòng và cho họ biết do lệnh của ông Cố Vấn tôi phải bắt giữ họ. Nhưng tôi tha họ về ngay sau khi nói cho họ biết nếu hoạt động không kín đáo thì công an của Dương Văn Hiếu hay Lực lượng Đặc biệt của Lê Quang Tung sẽ bắt lại và trong trường hợp đó, hậu quả sẽ tàn khốc vô cùng.

Nhưng với luật sư Đinh Thạch Bích (hiện nay là chủ biên báo Việt Nam Hải Ngoại ở San Diego) thì tôi tỏ ra khắt khe hơn vì nhân viên của tôi đã tìm được tại nhà anh một số vũ khí bất hợp pháp. Tôi dọa Đinh Thạch Bích sẽ đưa anh ra Tòa vì số vũ khí đó là tang chứng cho một âm mưu nổi loạn có vũ trang. Nhưng người trí thức trẻ tuổi đã dành cho tôi một sự kinh ngạc mà suốt mấy năm làm trong cơ quan an ninh của chế độ Ngô Đình Diệm lần đầu tiên mới gặp. Bích đã không tỏ vẻ sợ sệt, lại còn nặng lời đả kích chế độ Diệm. Bằng một chuỗi dài những từ ngữ đanh thép như “gia đình trị, độc tài, phong kiến, bất lực, kỳ thị, tham nhũng...”, Bích buộc tội nhà Ngô để biện

minh cho hành động cất giữ số vũ khí bất hợp pháp. Nhìn bộ mặt cứng rắn cương quyết, có vẻ quân nhân hơn là văn nhân, tôi khen thầm Bích gan dạ, chẳng trách từ nhỏ đã theo anh hùng Trình Minh Thế làm cách mạng chống cả thực dân Pháp lẫn Cộng Sản Việt. Tôi đang miên man suy nghĩ thì Bích lại tìm cách tuyên truyền tôi để kết luận: “Số vũ khí đó là để dùng vào việc lật đổ nhà Ngô, tôi xin mời Đại tá tham dự vào cuộc đảo chánh của anh em chúng tôi”. Đến đây thì từ kinh ngạc tôi trở thành có cảm tình với người thanh niên trí thức dám “vuốt râu hùm”. Cảm tình đó đã làm tôi khó xử: tha anh về lỡ ông Nhu biết được thì nguy, mà giam giữ rồi nếu anh bị hãm hại hay bị truy tố ra Tòa thì tôi sẽ làm hại một người chiến sĩ dân tộc. Nghĩ vậy nên tôi tìm kế hoãn binh để tìm một giải đáp thỏa đáng cho trường hợp của Đinh Thạch Bích. Tôi cho giải Bích trở về phòng giam và ra lệnh cho nhân viên thuộc quyền đối đãi thật tử tế và cung cấp thực phẩm thật đàng hoàng. Trong khi đó, tôi cho niêm phong số vũ khí lại, không cho công an tìm biết rồi tùy biến chuyển của thời cuộc mà quyết định trường hợp của anh sau. Nhưng tình thế biến chuyển quá dồn dập và tôi không còn nhớ Bích được trả tự do vào lúc nào, rồi bị công an bắt lại vào khi nào.

Ngoài ra, còn một nhóm các nhân vật đã bị bắt giữ tại cơ quan trung ương của Nha mà tôi chỉ còn nhớ tên các ông Trần Thanh Bông (em ruột luật sư Trần Thanh Hiệp), luật sư Nguyễn Duy Quang, giáo sư Âu Trường Thanh, luật sư Bùi Tường Chiêu (hiện ở Pháp),... Những vị giáo sư đại học, những nhân vật tên tuổi thường bị ông Nhu để ý nhiều hơn nên tôi phải giữ họ lâu hơn. Tôi nghĩ rằng những nhà trí thức này có tội gì với quốc gia đâu ngoài thái độ bất mãn chế độ Diệm. Hôm nay, họ biểu hiện thái độ chống đối đó một cách tích cực hơn vì chế độ đã độc tài quá trắng trợn và hiểm độc, và nhất là vì lương tri của họ không còn cho phép họ im lặng trước cuộc đấu tranh gian khổ của những con người bình dị như các thầy tu, anh em xích lô, học sinh, sinh viên, hoặc những kẻ nghèo khó nhất trong xã hội. Họ không thể giữ thái độ bàng quan trước những hiện trạng đàn áp, khủng bố do một thiểu số gây ra cho cái đại đa số dân tộc, vì thế tôi càng phải đối đãi tử tế những kẻ có lòng. Mỗi buổi sáng, khoảng bảy giờ, tôi cho xe của Nha đến tận nhà mời những nhà trí thức kia đến Nha An Ninh Quân Đội nghỉ ngơi, đọc báo, uống trà, đánh cờ tướng. Chiều bảy giờ, tôi cho xe chở họ về với gia đình. Cứ như thế độ hai tuần lễ tôi mới gọi tờ trình cho ông Nhu bảo rằng họ không có tội gì hết, rồi tôi trả tự do cho họ ra về luôn. Trước khi ra về, các ông Nguyễn Duy Quang, Bùi Tường Chiêu, Âu Trường Thanh lần lượt đến văn phòng tôi ngỏ lời cảm tạ. Tôi không nhớ một vị nào đó đã nói: “Quả thật chúng tôi không thể tưởng tượng một cơ quan an ninh mà lại có cách xử sự bao dung lịch sự đối với kẻ có tội như cơ quan của Đại tá”.

Nhìn lại từ đầu biến cố cho đến những ngày đầu tháng 8 năm 1963, lập trường của Phật giáo đồ và chính sách của Chính phủ vẫn không có gì thay đổi nếu không muốn nói càng lúc càng quyết liệt hơn. Nghĩa là một bên tranh đấu cho công bằng xã hội mà cụ thể là quyền tự do tín ngưỡng, và một bên là duy trình nguyên trạng đàn áp mà cụ thể là kỳ thị tôn giáo. Yếu tố mới trong cuộc khủng hoảng là sự xuất hiện của các lực lượng khác của dân tộc, các thành phần khác của xã hội. Từ học đường đến đảng phái, từ văn nghệ sĩ đến công nhân, từ thương gia đến chuyên viên. Hai lực lượng khác rất đáng kể vì vai trò và sức mạnh của nó là giáo hội Công giáo Việt Nam và quân lực Việt Nam Cộng Hòa, cho đến giờ phút đó và ít nhất trên mặt chính thức như một tổng thể, vẫn chưa có những xáo động sâu sắc hoặc lập trường công khai nào cả, nghĩa là vẫn đứng về phía chính quyền, mặc dầu trong quân đội không thiếu những sĩ quan hoặc binh sĩ đã âm thầm ủng hộ cuộc đấu tranh của Phật giáo, hay một vài Linh mục cũng đã bí mật liên lạc với các Thượng tọa tại Sài Gòn.

Chiến thuật vừa đánh vừa đàm của chính quyền đó là để kéo dài thời gian cho lực lượng siêu chính quyền của Cần Lao Công giáo chuẩn bị một trận xung kích cuối cùng, một trận phải có máu đổ xương rơi để chấm dứt vĩnh viễn sự hiện diện của Phật giáo không phải chỉ trong biến cố này mà còn cho cả mai sau nữa.

Đêm 20 tháng 8, anh em ông Diệm điều động cảnh sát dã chiến và lực lượng đặc biệt tấn công các chùa ở Sài Gòn như Xá Lợi, Ấn Quang, Theravada, Giác Minh, Từ Quang... các chùa ở Huế như Bảo Quốc, Từ Đàm, Linh Quang... và nhiều chùa lớn ở các tỉnh khác. Tại chùa Xá Lợi, đội quân xung phong của chính quyền đập phá bàn thờ, tượng Phật và lấy mất thùng công quả... gây thương tích cho hàng trăm Tăng Ni. Riêng Hòa thượng Hội chủ Thích Tịnh Khiết thì bị xô té và bị thương nặng ở mắt. Tại Sài Gòn, chúng bắt tất cả hơn 1.400 Tăng Ni, Phật tử, kể cả Thượng tọa Tâm Châu, cụ Mai Thọ Truyền, Sư bà Diệu Huệ, Thượng Tọa Trí Quang... Cuộc tấn công kinh hoàng đó của chế độ Diệm được một người bạn Mỹ của ông Diệm là nhà viết sử Buttinger ví von như một cuộc tấn công của đội xung kích Nazi:

The so-called special forces and the manner in which Nhu employed them in 1963 were reminiscent of the Nazi storm troopers ⁹.

Gần 5 giờ sáng ngày 21 tháng 8, Tổng thống Diệm triệu tập khẩn cấp Hội đồng Chính phủ rồi ra tuyên cáo: “*Phải hành động quyết liệt và lãnh trách nhiệm trước lịch sử vì có tin Việt Cộng sắp tràn ngập Thủ Đô (sic), ban*

hành lệnh giới nghiêm trên toàn lãnh thổ, ra lệnh cho quân đội bảo vệ an ninh trật tự” (Sắc lệnh số 84/TTP). Tướng Tôn Thất Đính, Tư lệnh Quân Đoàn III được cử kiêm Tổng trấn Sài Gòn-Gia Định, có nhiệm vụ thi hành lệnh thiết quân luật. Lệnh giới nghiêm cấm dân chúng đi lại từ 9 giờ đêm đến 5 giờ sáng. Cuộc tấn công chùa chiền bằng võ lực và lời tuyên bố xuyên tạc của Tổng thống Diệm nói rằng Việt Cộng sắp tràn ngập thủ đô để biện minh và hợp pháp hóa hành động bất hợp pháp, bất hợp hiến của mình, đã nói lên sự thất bại về chính trị và nhân tâm của chế độ. Ngoài ra, phương cách đối phó liều lĩnh của anh em ông Diệm càng tạo thêm những phản ứng vô cùng bất lợi của nhân dân và quốc tế mà phản ứng đầu tiên lại là hành động xuống tóc và từ chức của Bộ trưởng Ngoại giao Vũ Văn Mẫu.

Ông Vũ Văn Mẫu là một thạc sĩ luật khoa có “chair” tại đại học danh tiếng Sorbonne ở Paris, lúc bắt giờ ông được giới trí thức Việt Nam coi như một luật gia uyên thâm, được sinh viên coi như một vị thầy uyên bác, được Tổng thống Diệm trọng vọng nhất trong hàng các Bộ trưởng. Dưới chế độ Diệm có hai vị Bộ trưởng thâm niên kỳ cựu nhất, một vị đại khoa bằng và một vị chỉ có bằng tiểu học, và cả hai đều duy trì chức vụ không hề bị gián đoạn từ ngày 10-5-1955, nghĩa là từ khi chế độ Cộng Hòa chưa ra đời cho đến khi chế độ Diệm bị sụp đổ: đó là ông Vũ Văn Mẫu và ông Huỳnh Hữu Nghĩa. Suốt 8 năm trời ông Mẫu giữ chức Bộ trưởng Ngoại Giao, trong lúc ông Nghĩa cầm đầu Bộ Lao động. Ông Mẫu thì nhờ học rộng bằng cấp cao mà được mời làm Bộ trưởng, còn ông Nghĩa thì nhờ lòng trung thành tuyệt đối mà được làm Bộ trưởng. Sau bao nhiêu nước chảy qua cầu, bao nhiêu người lên voi xuống chó, cuối cùng một ông vì phản đối chế độ mà ra đi, còn một ông vì bệnh vực chế độ mà bị bắt vào nhà lao Chí Hòa (sau cách mạng 1-11-1963).

Trong mặt trận ngoại giao dưới chế độ Diệm, việc khó khăn nhất không phải là đối phó với kẻ thù cũ là Pháp, lại càng không phải là siết chặt quan hệ với đồng minh Hoa Kỳ vì mọi liên hệ đã phân định rõ bạn thù, mà là đối phó với nước láng giềng Cao Miên, một quốc gia mà Việt Nam đã từng đánh phá và đô hộ. Hai khó khăn chính là vì tranh chấp biên giới và mâu thuẫn chính trị do chính sách chủ quan của anh em ông Diệm, luôn luôn tìm cách lật đổ Sihanouk. Một lý do khác nữa khiến chế độ Diệm muốn lật đổ Sihanouk là vì Quốc trưởng Cam Bốt lập đảng “Sang-Kum”, tức là đảng “Xã Hội Phật Giáo” nghĩa là gián tiếp chống với chủ trương của đảng “Nhân Vị Công giáo” của ông Ngô Đình Nhu như Chu Bằng Lĩnh đã trình bày trong tác phẩm “Cần Lao Cách mạng đảng”. Suốt thời gian 9 năm của chế độ Diệm, ngoại trưởng Vũ Văn Mẫu luôn luôn giữ được thắng lợi trong cuộc tranh

chấp biên giới với Cao Miên. Sau này, vào năm 1964, Sihanouk lại đưa vấn đề biên giới ra tranh chấp tại Hội đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc. Nhận thấy chỉ có ông Vũ Văn Mẫu (lúc bấy giờ đang là Đại sứ Việt Nam tại Luân Đôn) mới đủ sức đương đầu với phe Cao Miên có Nga Xô yểm trợ, tôi bèn đề nghị với Thủ tướng Khánh nhờ ông Mẫu đi phó hội. Quả thật nhà ngoại giao tài ba của chúng ta đã đem thắng lợi và vinh dự về cho Việt Nam tại Hội đồng Liên Hiệp Quốc. Khi đại diện Chính phủ Cao Miên gọi Chính phủ Việt Nam là “chính quyền Sài Gòn”, ông phản công ngay và gọi Cao Miên là “chính quyền Phnom Penh”. Lúc đại diện Nga Xô gọi Việt Nam Cộng Hòa là “tay sai đế quốc Mỹ”, ông Mẫu liền xin chủ tịch hội nghị để trả lời đại diện Nga Xô, chỉ trích Đại sứ Nga Xô đã dùng ngôn từ của một dân tộc kém văn minh. Nhờ tài tranh luận và lập trường cứng rắn của ông, Hội đồng Liên Hiệp Quốc đành phải xếp vụ kiện của Sihanouk lại, nhờ thế mà vấn đề tranh chấp biên giới không còn nữa và miền Nam duy trì được vùng lãnh thổ ven biển miền Tây chiến lược của mình ¹⁰.

Nhắc lại trong buổi sáng họp Hội đồng Nội các ngày 21 tháng 8 tại dinh Gia Long, sau khi được Tổng thống Diệm báo tin lệnh tấn công các chùa thì Phó Tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ nhẹ nhàng phản đối ông Diệm: “Tại sao Cụ lấy một quyết định quan trọng như thế mà không cho chúng tôi biết trước”. Còn ông Vũ Văn Mẫu về nhà cạo đầu và vào văn phòng Bộ Ngoại giao tập họp toàn thể nhân viên của Bộ rồi tuyên bố từ chức để phản đối chính sách của Chính phủ Ngô Đình Diệm. Thái độ minh bạch và can đảm cũng như những lời tâm huyết của ông đã làm cho hầu hết nhân viên Bộ Ngoại giao, kể cả những người đã từng là cán bộ trung kiên của ông Diệm, phải xúc động. Một người bạn thân của tôi là ông Nguyễn Đôn Duyệt, Giám đốc Đông Nam Á sự vụ, vốn là một cộng sự viên tiên phong của ông Diệm từ năm 1947-1948 cũng đã vô cùng cảm xúc.

Cảm phục khí phách và phong độ kẻ sĩ Vũ Văn Mẫu, ông Hoàng Đại Sâm (tức thi sĩ Hoàng Hoa Trang), một nhân viên cao cấp của Bộ, bèn nhờ bạn là ông Võ Khắc Văn viết cho mấy chữ Hán để khắc vào bức hoành phi tặng cho vị chỉ huy khả kính của mình. Ông Văn bèn viết bốn chữ: “Ngoại Vật Hoàn Giao”, vừa có chữ của nhà Phật, vừa có chữ “ngoại giao”, vừa nói lên được ý nghĩa thâm thúy của một hành động đầy triết lý sâu sắc.

Sau khi viết cho bạn bốn chữ để tặng vị Bộ trưởng vì chính nghĩa mà “cạo đầu từ quan”, Võ Khắc Văn cảm xúc trước một biến cố vừa đau thương vừa chua chát bèn làm một bài thơ, ghi lại một sự kiện lịch sử có tính cách “Giai thoại Làng Nho” hầu lên án Ngô triều để làm gương cho hậu thế. Bài thơ

này may mắn được một bạn thân của ông Võ Khắc Văn hiện ở Hải ngoại còn nhớ, viết lại rồi gửi cho tôi để hiện diện trong tập hồi ký này:

TRANH THỜI SỰ 1963

Chín năm bốn bận tráo quân bài,
Lừa lọc toàn tay dễ khiến sai,
Hót Cự: Thuần Lương mồm bép xép,
Ôm Bà: Hiếu Nghĩa miệng lai rai,
Vỹ đem hiến Cố màu xanh trẻ,
Khương ước dâng Cha áo đỏ dài,
Riêng Mẫu cạo đầu, Tâm bị bắt,
Hỏi hàng khanh tướng đến phiên ai?

Bài thơ nhằm mô tả và đánh giá bản chất của chế độ qua những nhân sự tay sai mà trong chín năm cầm quyền, nào là cụ Diệm, nào là bà Nhu, nào là Cố vấn Nhu, nào là cha Thục, dù có muốn tráo trở quân bài thì cũng chỉ dùng toàn những tay “dễ khiến sai” như Bộ trưởng Nguyễn Đình Thuần, Bùi Văn Lương, Ngô Trọng Hiếu, Huỳnh Hữu Nghĩa. Cũng bị liệt vào “hạng lừa lọc” là Cao Xuân Vỹ, Tổng Giám đốc Thanh niên Cộng hòa xanh, và Nguyễn Xuân Khương, Đại biểu Chính phủ Trung Việt đã quyết liệt đàn áp Phật giáo để Cha Thục được mặc Hồng Y. Trong hàng khanh tướng sạch dơ lẫn lộn đó chỉ còn ông Mẫu là khí tiết từ chức và Bác sĩ Phạm Biểu Tâm, Khoa trưởng Đại học Y khoa Sài Gòn, công phần chống đối nên bị Mật vụ nhà Ngô bắt.

Sở dĩ phải nói đến hai ông Hoàng Đại Sâm và Võ Khắc Văn là vì thái độ chống đối chế độ Diệm của hai ông có ảnh hưởng rất lớn trong giới người Quảng Bình, nhất là những người không theo đạo Công giáo, những người đồng hương với ông Diệm di cư vào Nam, từng là hậu thuẫn cho ông trong 9 năm trời và từng được ông coi là đại diện cho thân thuộc nơi chôn nhau cắt rốn.

Hoàng Đại Sâm và Võ Khắc Văn là hai nhà thơ tên tuổi (bạn văn thơ với các ông Thái Văn Kiểm, Đái Đức Tuấn, Lưu Kỳ Linh,...) thuộc dòng dõi khoa giáp nổi tiếng đất Quảng Bình. Thân phụ của hai ông từng làm quan to đồng liêu với cụ Ngô Đình Khả, thân sinh của ông Diệm, và khi về hưu mang hàm thượng thư Trí sự. Ông Võ Khắc Văn lại từng làm tri huyện thuộc cấp của ông Tuấn vũ Ngô Đình Diệm, được ông Diệm rất quý mến cho nên khi mới làm Tổng thống, ông Diệm liền cử ông Văn làm Tỉnh trưởng Darlak. Nhưng sau vài năm ở chức vụ đó, Võ Khắc Văn chán nản chế độ Công giáo Cần

Lao, ông ta xin từ chức để về làm một cấp thừa hành tại các Bộ, Viện ở trung ương như một hình thức ân thân để chờ ngày hưu trí.

Lúc mới cầm quyền, ông Diệm cho lập ngay Hội Quảng Bình Tương Tế để xây dựng một hậu thuẫn chính trị trung kiên qua tình đồng hương đầy địa phương tính, và đồng thời cũng để dương danh “áo gấm về làng” với những gia tộc khác trong tỉnh. Trong hội tương tế này, ông Sâm và ông Văn được dân Quảng Bình kính mến và trọng vọng như những bậc trưởng thượng gương mẫu. Thái độ từ âm thầm bất mãn đến công khai chống đối của hai ông không những đã gây một sức chấn động phản tỉnh nơi những người dân Quảng Bình mà còn là một sự khẳng định chắc nịch về ý muốn loại trừ gia đình ông Diệm ra khỏi tư cách đồng hương mà ông Diệm vốn rất tự hào. Từ đó, những buổi họp, ăn uống thân mật của Hội Quảng Bình Tương Tế nơi ngôi nhà tổ phụ của anh em ông Diệm không còn nữa, và câu chuyện “áo gấm về làng” của họ Ngô bị chôn vùi vào dĩ vãng. Riêng hai việc tiêu diệt Phật giáo và xuyên tạc Thượng tọa Trí Quang là Cộng Sản, đã bị dân Quảng Bình coi như hành động phản bội người đồng hương, khước từ nơi chôn nhau cắt rốn.

Về phần ông Vũ Văn Mẫu, sau khi từ chức ông định trốn ngay ra ngoại quốc để tố cáo với dư luận quốc tế nhưng bị bắt lại tại phi trường Tân Sơn Nhất lúc sắp sửa lên phi cơ. Anh em ông Diệm đã định tống giam ông Mẫu không xét xử nhưng sợ phản ứng ngoại giao không thuận lợi nên đã dàn xếp với ông Mẫu theo điều kiện: ông Mẫu không công khai tuyên bố xin từ chức, trái lại Chính phủ phải để ông ra đi với lý do hành hương ba tháng tại Ấn Độ. Cuộc dàn xếp kéo dài mãi đến ngày 28 tháng 8 năm 1963, ông Mẫu mới lên đường ra đi.

Theo ông Nguyễn Đôn Duyệt, Giám đốc Đông Nam Á Sự Vụ, một bạn thân của tôi cho biết sau khi ông Mẫu đi rồi, nhà trí thức Công giáo Trương Công Cừ, nguyên Chủ tịch Ủy ban chống Đảo chánh và chống Phiến Loạn, nguyên Phó Chủ tịch Quốc hội, nguyên Bộ trưởng Đặc nhiệm Văn hóa, được cử giữ chức Bộ trưởng Ngoại giao. Vừa đến nhậm chức ông Cừ cũng tập họp nhân viên để ban huấn từ với mục đích tác động tinh thần những cộng sự viên vốn đã bị giao động bởi thời cuộc. Trong buổi tiếp xúc đầu tiên đó, ông Cừ đã lên án nặng nề cuộc tranh đấu của Phật giáo, ông cũng ám chỉ Phật giáo là Cộng Sản và mạt sát thậm tệ ông Vũ Văn Mẫu mà ông cho là đã phản bội Tổng thống Diệm. Ông kêu gọi nhân viên phải hết lòng trung thành với chế độ và với Tổng thống. Theo lời kể lại của ông Duyệt, thì ông Cừ đã lấy ông ra làm gương mẫu cho lòng trung thành tuyệt đối đó: “Anh

em hãy noi gương tôi, nếu bây giờ Tổng thống hay ông Cố vấn bảo tôi lấy cái mặt này (ông vừa nói vừa chỉ vào mặt ông) mà chà vào cầu tiêu là tôi tuân lệnh ngay”.

Sau cuộc tấn công tàn ác vào các chùa chiền, bắt bớ Tăng Ni Phật tử và giam giữ một số sinh viên, đồng thời đóng cửa các trường học và phi trường Tân Sơn Nhất, anh em ông Diệm bèn lợi dụng sự giao động của quần chúng để phóng tay phát động những thủ đoạn tàn nhẫn hơn của họ.

Sáng ngày 22 tháng 8, ông Nhu kêu gọi Thanh Niên Cộng Hòa phải làm “rạng tỏ chính sách”. Đồng thời Chính phủ ra thông cáo cho biết đã khám xét và tịch thu được một số khí giới và dụng cụ bất hợp pháp tại các chùa Xá Lợi, Ấn Quang, Theravada.

Ngày 24 tháng 8, anh em ông Diệm lại tạo ra một bức thư giả mạo của Hòa thượng Thích Tịnh Khiết nói rằng Hòa thượng giới thiệu một số Thượng tọa trong Giáo Hội Tăng Già Toàn Quốc để trông nom Phật sự, trong lúc thật sự Hòa thượng Tịnh Khiết còn đang bị thương và đang bị giam lỏng tại quân y viện Cộng Hòa. Họ đã tái diễn một cách trơ trẽn trò viết thư giả mạo như họ đã làm đối với bác sĩ Phan Quang Đán sau vụ Nhảy Dù đảo chánh năm 1960.

Ngày 26, họ ép buộc Thượng tọa Thích Thiện Hành thành lập một ủy ban Liên Hiệp Bảo Vệ Phật giáo Thuần Túy gồm toàn các thầy chùa Cổ Sơn Môn để hành xử như các hội “Phật giáo yêu nước” hoặc “Công giáo yên nước” của Cộng sản sau 1975.

Ngày 27, các đoàn thể tay sai của họ và các Tỉnh trưởng gửi kiến nghị bày tỏ lòng trung thành và ủng hộ lên Phủ Tổng thống.

Ngày 31 tháng 8, Tổng thống Diệm viếng thăm ngôi chùa Sư Nữ ở Gia Định, nhưng cũng đúng giờ đó, họ tổ chức Thanh Niên Cộng Hòa biểu tình ở công trường Lê Lợi để ủng hộ Chính phủ.

Ngày 1 tháng 9, có tin đồn ảnh của Tổng thống Diệm bị tháo gỡ ở vài công sở và được thay thế bằng ảnh của Cố vấn Tổng thủ lĩnh Thanh niên Cộng Hòa. Có tin đồn Cố vấn Nhu sẽ đảo chánh để thi hành một chính sách đánh thép, độc tài hơn.

Ngày 10 tháng 9, bà Ngô Đình Nhu dẫn một phái đoàn Dân biểu đi dự Hội Nghị Quốc tế Nghị sĩ tại Nam Tư để giải độc dư luận quốc tế về vấn đề Phật

giáo. Theo Đại sứ Cabot Lodge và nhiều ký giả quốc tế thì bà Nhu đã nghi ngờ sự khôn ngoan của Đức Giáo Hoàng Paul VI sau khi Ngài bày tỏ sự bàng hoàng trước chính sách khủng bố tôn giáo của anh em ông Diệm. Bà Nhu tuyên bố:

Đức Giáo Hoàng thật cũng lo âu một cách quá dễ dàng. Là một người Công giáo, tôi chỉ buộc phải tin vào tín điều của tôn giáo tôi và tin vào Đức Giáo Hoàng mà thôi. Đức Giáo Hoàng sẽ không sai lầm khi Ngài tuyên bố về những điều đặc thù về tôn giáo. Tôi không tin rằng Ngài sẽ đứng ở tư thế của mình mà chối bỏ tôi, vì làm như thế quả là Ngài đã làm hại lớn cho đạo Công giáo (Pope Paul VI is too easily worried. As a Catholic, I am only required to believe in the dogma of my religion and the Pope. The Pope is only infallible when he decrees something ex-cathedra. I do not believe that he will put himself in a chair to disavow me, because that will be a bad blow for Catholicism) ¹¹.

Lời tuyên bố ngạo mạn này phản ánh hai sự kiện rất đặc thù về bà Nhu mà người anh chồng đang là một vị giáo phẩm số một của Hội Thánh Công giáo Việt Nam. Thứ nhất là quan điểm về tính xa cách giữa đạo và đời, xác định sự bất lực của giáo lý Thiên Chúa giáo khi đi vào hiện thực xã hội, nhất là một xã hội tràn đầy khổ đau và áp bức. Thứ hai là dùng một thứ “politique de chantage” với vị Giáo chủ của Hội Thánh khi bắt Giáo Hoàng phải chọn lựa giữa sự chấp nhận hành động của mình nếu không thì sẽ “làm hại lớn cho Công giáo”.

Điểm đau đớn cho Giáo hội Công giáo Việt Nam là sau lời tuyên bố đó của bà Nhu cho toàn thế giới biết, Giáo hội đã không có một lời giải thích nào. Đừng nói đến một lời phản đối!

Với tất cả những hành động tàn ác, những thủ đoạn gian dối, những tuyên bố hăm dọa, anh em ông Diệm tưởng đã đập tan được cuộc đấu tranh của Phật giáo và đồng bào cả nước. Anh em họ Ngô huênh hoang tưởng đã đắc thắng nhưng họ quên đi một điều căn bản là đã hai ngàn năm rồi, trải bao thăng trầm của đất nước, trải bao cơn mạt pháp có khi kéo dài cả trăm năm mà Đạo Phật Việt Nam vẫn chưa bao giờ biết cúi đầu khuất phục bạo lực...

*...Dân tộc ta không thể nào thua
Đạo Phật ta đời đời sáng lạn
Dầu trải mấy qua phân ly tán
Nhưng vẫn còn núi còn sông*

*Còn chót vót mãi ngôi chùa.
(Thơ, Vũ Hoàng Chương)*

Lời thơ của họ Vũ chỉ nói lên một sự thật bình thường nhưng hùng tráng vì ngay cả sau 1975, khi chính sách chiếm trọn miền Nam và tìm mọi thủ đoạn để tiêu diệt Phật giáo thì những người con Phật vẫn kiên cường vùng lên chống lại chế độ bạo quân bạo trị đó. Thích Thiện Minh với lực lượng Cứu Nguy Dân Tộc bị tàn sát thì Huyền Quang, Quảng Độ... lại nổi lên. Triệt hạ được nhóm này thì nhóm Tuệ Sĩ, Mạnh Thát,.. lại đứng dậy. Hàng hàng lớp lớp, cứ lớp này chết hay vào tù thì lớp kia vùng lên bất khuất. Trong lúc đó thì tại hải ngoại, người Phật tử Việt Nam ra đi lưu vong khắp bốn phương trời, nơi những vùng căn cứ địa của Công giáo mà vẫn canh cánh bên lòng niềm tin vào sức mạnh của dân tộc và sức mạnh của đạo pháp. Từ vài ngôi chùa nghèo nàn ở Pháp trước khi mất nước (1975) những ngôi chùa Việt Nam âm cúng tình tự quê hương lại mọc lên khắp nơi từ Á sang Âu, từ Phi sang Mỹ. Bởi vì:

... Suốt trường kỳ lịch sử hai ngàn năm hiện diện trên quê hương Việt Nam, đạo Phật Việt đã không một phút một giây tách lìa khỏi dân tộc Việt. Trong suốt đoạn dài của lịch sử Việt Nam và Phật giáo, dân tộc và đạo pháp đã hợp nhất thành một tổng thể bất khả phân ly và thành một sức mạnh không thể nào đánh bại. Đối với dân Việt, trong những cơn nguy biến, đạo Phật đã đứng lên cứu nguy, trong những thời nô lệ, đạo Phật đã đứng lên giải phóng, trong đau khổ, đạo Phật đem lại an vui, trong chiến tranh và thù hận, đạo Phật đem lại tình thương và hòa bình, trong tuyệt vọng và chết chóc, đạo Phật đã mạng lại niềm tin và lẽ sống. Luôn luôn đứng về phía dân tộc đau khổ để đem hết máu xương và cả thân mạng mình bảo vệ và phụng sự dân tộc, đó là nguyên tắc không thể nào lay chuyển và là một chân lý đã được chứng nghiệm suốt hai ngàn năm chưa một lần nào đạo Phật đứng về một thế lực phi nhân bản, phản dân chủ để thống trị và đàn áp con người Việt Nam. Đạo Phật đã hòa tan vào dân tộc để trở thành xương thịt, máu huyết của dân tộc, đã cúng dường hy hiến cho dân tộc tất cả thần trí, hùng tâm, đại lực và tinh hoa của mình để trở thành hùng tâm, đại lực, thần trí và tinh hoa của dân tộc...¹².

Nếu sáng 21 tháng 8, Ngoại trưởng Vũ Văn Mẫu từ chức để phản đối chính sách đàn áp Phật giáo của chính quyền Ngô Đình Diệm đã là một lời tố cáo đanh thép về bản chất hung hăng của chế độ thì cũng ngày hôm đó, cách trọn nửa trái cầu, tại Thủ đô Hoa Thịnh Đốn của quốc gia khai sinh và nuôi dưỡng chế độ, Đại sứ Trần Văn Chương lên tiếng phản đối chính quyền lại

là một bản án nặng nề đẩy chế độ vào vị thế tội đồ trước công luận trong nước và trên toàn thế giới. Bản án đó lại càng có giá trị đích thực hơn vì ông Trần Văn Chương là thân phụ của bà Nhu, một trong những nhân vật chủ yếu và quyết tâm nhất trong chính sách đàn áp Phật giáo. Chính vì tính cách trầm trọng của bản án đó nên ngay ngày hôm sau, ông Trần Văn Chương bị chính quyền “chấm dứt nhiệm vụ”.

Ngày 25 tháng 8, hàng vạn sinh viên học sinh của thủ đô Sài Gòn ào ạt xuống đường biểu tình trước chợ Bến Thành. Cảnh sát dã chiến can thiệp và gây ra xô sát làm cho một số bị thương, riêng nữ sinh Quách Thị Trang cầm biểu ngữ đi đầu bị cảnh sát bắn chết và 1.300 sinh viên bị bắt đưa đến giam tại trại Quang Trung. Đồng thời sinh viên học sinh tại Huế, Đà Nẵng, Nha Trang cũng biểu tình, mít tinh lên án chế độ Diệm.

Ngày 7 tháng 9, để xoa dịu học sinh, nhà Ngô cho mở cửa lại các trường trung học, nhưng học sinh, nhất là của các trường Chu Văn An, Trưng Vương, Võ Trường Toản,... quyết định phản đối không chịu vào lớp.

Nhiều tăng ni trẻ tuổi tiếp tục tự thiêu như Đại Đức Thích Quảng Hương tự thiêu trước chợ Bến Thành ngày 5 tháng 10, Đại Đức Thích Thiện Mỹ, vị sư thứ bảy tự thiêu trước nhà thờ Đức Bà. Và ngày 31 tháng 10, cảnh sát kịp thời ngăn chặn ba vụ tự thiêu trước Quốc Hội.

Trong khi đó, phái đoàn giải độc du luận quốc tế cũng gặp những phản ứng bất lợi. Bà Ngô Đình Nhu và Dân biểu Hà Như Chi đến La Mã ngày 25 tháng 9 bị một số người Việt đón đường phản đối; đến Paris bị đông đảo Việt kiều và sinh viên Việt Nam biểu tình đá đảo, ném trứng thối và cà chua; đến Hoa Thịnh Đốn không được thân phụ là đại sứ Trần Văn Chương cho gặp và không được Tổng thống Kennedy tiếp kiến. Bà đã họp báo phản đối người Mỹ và phân trần chế độ gia đình trị của bà không hề đàn áp Phật giáo mà không nhớ rằng đã nhiều lần, bà tuyên bố với phóng viên đài VOA và New York Times là “phải quyết liệt đập tan phong trào Phật giáo”, khiến buổi họp báo trở thành một buổi đối chất căng thẳng.

Giám mục Ngô Đình Thục bị Tòa Thánh bắt rời khỏi Việt Nam, có tin đồn khi tới La Mã ông không được phép bệ kiến Giáo Hoàng và theo William Miller thì ông bị Tòa Thánh cấm không được tuyên bố những lời khiêu khích và mâu thuẫn chống đối Phật giáo¹³.

Ngày 17 tháng 10, một số ký giả ngoại quốc bị công an hành hung vì chụp ảnh các vụ cảnh sát đàn áp sinh viên và các vụ xô sát với Tăng Ni trên

đường phố Sài Gòn. Cùng ngày này, cựu Đại sứ Trần Văn Chương lên tiếng tại Hoa Thịnh Đốn công kích kịch liệt chính sách của Tổng thống Diệm.

Tôi vừa tổng kết theo thứ tự thời gian những sự kiện lịch sử từ ngày xảy ra vụ Phật giáo cho đến cuối tháng 10 năm 1963 để thấy những biến chuyển trầm trọng của thời cuộc Việt Nam do chính sách kỳ thị Phật giáo của chế độ Diệm gây ra.

---o0o---

Chính sách kỳ thị và đàn áp Phật giáo không những đã đưa chế độ Diệm vào thế cô lập trước đại khối dân tộc mà còn làm cho dư luận thế giới hết sức bất bình.

Ngoài một số báo lớn Hoa Kỳ chỉ trích anh em ông Diệm vì vấn đề kỳ thị Phật giáo làm cho công cuộc chống Cộng bị sa sút, hoặc là so sánh phong trào đấu tranh của Phật giáo tại Việt Nam cũng như phong trào sinh viên chống đối Tổng thống Lý Thừa Vãn tại Nam Hàn, dư luận của nhiều quốc gia khác kể cả nước đồng minh của Việt Nam Cộng Hòa cũng lên án chính sách kỳ thị tôn giáo của chế độ Diệm¹⁴.

Tờ La Croix, một nhật báo nhiều ảnh hưởng trong giới Công giáo Pháp, đăng một bài quan điểm dài phản đối chủ trương độc tôn của anh em ông Diệm và kêu gọi tín đồ Công giáo hãy cầu nguyện cho những Phật tử Việt Nam.

Tờ Malaysian Times của Mã Lai, một quốc gia Hồi giáo đang là đồng minh chống Cộng của Việt Nam Cộng Hòa, đưa lời khuyến cáo chính phủ Diệm nên hòa dịu với Phật giáo mới có thể chặn đứng được cuộc xâm lăng của Cộng sản, trong lúc đó thì Cao Miên tố cáo chính sách đàn áp, khủng bố Phật giáo của chế độ Sài Gòn và tuyên bố đoạn giao với Việt Nam Cộng hòa.

Phật giáo Trung Hoa Dân Quốc, với tư cách là một bộ phận lớn của quốc gia đồng minh được ông Diệm kính nể, lên tiếng kêu gọi Phật giáo đồ khắp thế giới hãy giúp đỡ Phật giáo Việt Nam với lời lẽ vô cùng thống thiết: “Hồi Giáo hữu Tăng tín đồ thế giới! Chúng tôi rất đau lòng trình bày cùng quý vị về tình trạng Phật giáo Việt Nam gần đây gặp phải đại nạn “Kỳ thị tôn giáo”. Đồng thời chúng tôi cũng trông mong quý vị thiết tha lưu ý tinh thần “Đông chu Cộng Tế”. Đây cũng là chính nghĩa đáng nên trợ giúp”.

Tờ La Gazette de Lausanne tại Thụy Sĩ, một quốc gia trung lập vốn không có truyền thống can thiệp vào nội tình của nước khác, cũng không thể đứng trước chính sách “kỳ thị tôn giáo” của Chính phủ Ngô Đình Diệm. Ngay từ khi Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu, tờ báo đã có những lời lẽ vô cùng cảm động: *“Sự hi sinh rất khích động của vị tăng sĩ thiêu sống ngay tại Sài Gòn buộc người ta phải kính trọng. Sự hy sinh vì Chính pháp của ông khiến chúng ta liên tưởng tới những người Gia Tô đầu tiên và sự liên tưởng này càng làm cho chúng ta thấy oái oăm”*.

Nhân vụ đàn áp Phật giáo tại Việt Nam, tờ báo có ảnh hưởng quốc tế lớn nhất của Thụy Sĩ là tờ Journal de Genève và nhiều tờ báo địa phương đã đăng lại toàn bản phúc trình của ông Pierre và bà Renée Gomet nghiêm khắc lên án chế độ Diệm:

“Cái thói biệt đãi đã đi đến mức quá lộ đến độ người ta thấy cả những “mode” mới như quyền chỉ huy các trung đoàn dành cho các sĩ quan nào được Tòa Giám mục phê duyệt điểm tốt, lại có những đám dân quân tự vệ của vị Tổng giám mục ở Huế cũng được cung cấp những dụng cụ của Hoa Kỳ mà dám chắc Ngũ Giác Đài đã không dành những thứ đó cho bọn Lê Sinh. Người ta có thể tuyên truyền rằng đó chỉ là cuộc nổi loạn của phe đa số khắc khổ kiếm chuyện vì Chính phủ chỉ là một thiểu số bó kết chặt chẽ với nhau mà bộ tịch lại vênh vác và cứng rắn. Nhưng việc phải hy sinh vì Chính Pháp của Hòa thượng Thích Quảng Đức lại cho thấy rằng Phật giáo Việt Nam đang phải bảo vệ nếp sống và tư tưởng của họ”.

Nhật báo Le Monde của giới trí thức cấp tiến Pháp cũng đã nhìn thấy rõ ràng bản chất thật sự của cuộc đấu tranh của Phật giáo vốn bắt đầu là một cuộc đấu tranh cho tự do tín ngưỡng trong khuôn khổ của miền Nam Việt Nam:

*“Vị Tổng thống Ngô Đình Diệm chỉ muốn biệt đãi Công giáo và để Giáo hội này tham dự vào chính quyền nên ngay từ đầu, vụ tranh chấp tôn giáo đã nhuộm màu sắc chính trị. Biến cố ở Huế xảy ra do sự đàn áp tàn bạo của nhà cầm quyền đã là một cơ hội cho nổi bất mãn của nhân dân bộc phát. Sự tranh chấp này đã lột trần sự cô lập và thất nhân tâm của thiểu số Công giáo được ưu đãi, trong lúc đó thì những thiệt hại của quân đội viễn chinh Hoa Kỳ lại gây một luồng dư luận không tốt ở Mỹ. Biến cố Phật giáo là điều bất lợi cho Việt Nam Cộng Hòa”*¹⁵

Biến cố Phật giáo tại miền Nam Việt Nam năm 1963 đã làm sôi nổi dư luận quốc tế mà những bài báo vừa kể trên đây tiêu biểu cho dư luận của các

quốc gia tự do, còn phe Cộng Sản tất nhiên là hết sức vui mừng, khiến cho Tổ chức Liên Hiệp Quốc không thể im lặng khoanh tay trước chính sách kỳ thị tôn giáo của chế độ Diệm trái ngược với Bản Tuyên Ngôn Quốc tế Nhân Quyền.

Sau nhiều phiên họp, hội viên các quốc gia trong Tổ chức Liên Hiệp Quốc quyết định gửi một phái đoàn đến Việt Nam để điều tra. Ngày 24 tháng 9 năm 1963, tuy Đại sứ Bửu Hội đại diện chính quyền Ngô Đình Diệm phản đối quyết định đó nhưng cuối cùng đành phải chấp nhận cuộc điều tra của phái đoàn Liên Hiệp Quốc. Chấp nhận không chỉ vì áp lực quốc tế mà còn vì ông Ngô Đình Nhu đã nuôi sẵn thủ đoạn đánh lừa và mua chuộc nhân viên phái đoàn Liên Hiệp Quốc. Trong những mưu mô của ông Ngô Đình Nhu thì thủ đoạn đơ bản nhất là tổ chức cho nhân viên phái đoàn chần gỏi với gái điếm rồi chụp hình để làm “chantage”. Nghĩa là nhân viên nào không chịu bênh vực lập trường của nhà Ngô thì ông Ngô Đình Nhu sẽ đưa những tấm hình kia ra trước công luận để bôi lọ nhân viên ấy, đồng thời làm mất uy tín quốc gia của nhân viên đó. Những tấm hình này đã bị Thủy quân Lục chiến tịch thu được tại phòng giấy của ông Ngô Đình Nhu trong Dinh Gia Long ngày 2-11-1963. (Măm 1976, Trung tá Cảnh sát tên Hoàng, người phụ lễ cho Linh mục Nguyễn Văn Vi tại Sacramento, California, cùng với Thiếu tướng Nguyễn Văn Chức nhân đến thăm tôi đã thú nhận chính ông Nhu chủ trương dùng thủ đoạn “chantage” các nhân viên phái đoàn Liên Hiệp Quốc như vừa nói trên, vì biết rằng đa số nhân viên phái đoàn đã thu lượm được nhiều tài liệu rõ ràng chứng minh Phật giáo bị chế độ Diệm kỳ thị, đàn áp, khủng bố. Trung tá Hoàng là một Công giáo Cần Lao, từng chỉ huy trại giam bí mật P.42 ở Sở thú). Cũng vì thủ đoạn trên đây mà ông Đoàn Thêm mới ghi vào tác phẩm của ông rằng:

*“Phái đoàn Liên Hiệp Quốc đã được Chính phủ Diệm tiếp đãi chu đáo và chịu chuộng đặc biệt bằng đủ mọi cách”*¹⁶.

Ngày phái đoàn điều tra của Liên Hiệp Quốc ra Huế, chính quyền địa phương đã tìm mọi thủ đoạn để ngăn cản phái đoàn không tiếp xúc được với đồng bào Phật tử để tìm hiểu sự thật. Trong dịp này, nữ sinh Ái Khanh của trường nữ trung học Đồng Khánh và cũng là một đoàn viên trong phong trào đấu tranh sinh viên học sinh (mà anh Võ Văn Khiết hiện nay đang ở Mỹ là một thành viên), đã âm thầm lên lầu ba của trường Đồng Khánh để nhảy xuống đất hy sinh thân mạng hầu tạo tiếng vang cho phái đoàn lưu ý. Ái Khanh chỉ bị gãy xương chân và chấn động nội tạng, nhưng hành động can trường của người nữ sinh yêu đuôi này đã vạch trần được bộ mặt tàn độc của

chế độ trước phái đoàn Liên Hiệp Quốc, một bộ mặt đã được ký giả Vũ Bằng tóm tắt trong một đoạn ngắn mà xúc tích:

Trong suốt một thời gian kéo dài từ tháng 5 năm 1963 cho đến tháng 11 cùng năm đó, tràn đầy máu lửa và nước mắt, tàn sát Phật tử không khác gì phát xít Đức tàn sát người Do Thái trong thế chiến thứ nhì, không có một tờ báo chánh thức nào dám ho he một lời can ngăn - chớ đừng nói cảnh cáo hay đả kích Ngô Đình Diệm và gia đình ông ta. (Trích “Bốn mươi năm nói láo”. tr. 240).

Cho đến những ngày đầu tháng 10 năm 1963 và còn kéo dài sau đó, Phật tử Việt Nam đã thể hiện lòng trung trinh với đất nước và ý nguyện giải thoát đau khổ của chúng sinh để lâm liệt đứng dậy đấu tranh chống bạo quyền. Vị trí và tư thế đấu tranh của Phật tử phát xuất từ một nhận định lịch sử rất hiện thực rằng:

Chế độ Ngô Đình Diệm trong suốt chín năm cai trị miền Nam đã đi vào con đường độc tài, độc tôn, độc đảng, đã chủ trương tiêu diệt các thành phần quốc gia đối lập tạo nên bao nỗi bất công đau khổ cho đại đa số quân chúng không theo Công giáo, mà một trong những nạn nhân và là nạn nhân khổ nhục nhất là Phật giáo. Và Phật giáo trong cái thế sống còn của mình - liên hệ đến sự sống còn và phát triển của dân tộc - đã thực hiện cuộc vận động cách mạng cho lý tưởng tự do tín ngưỡng trong khuôn khổ của lý tưởng công bằng xã hội. Nó hoàn toàn không đặt vấn đề lật đổ người này để thay vào người khác mà nó chỉ đặt vấn đề thay đổi những chủ trương và chính sách cho công bằng và tốt đẹp. Nó hoàn toàn đứng trên lập trường và ý thức dân tộc để chống đối chế độ Ngô Đình Diệm cũng như đứng vững trên lập trường và ý thức này để chống đối Cộng sản. Đối mặt với tất cả thế lực và chính sách tàn phá dân tộc, trước sau nó chỉ nói một tiếng: không chấp nhận. Nó chống Cộng sản nhưng không phải là chống để biến đất nước Việt Nam thành một lãnh địa của những thế lực ngoại bang. Nó chống chế độ Ngô Đình Diệm nhưng không phải là chống để cho Cộng sản cướp lấy đất nước. Nó không nằm trong lòng Cộng sản, nó cũng không nằm trong lòng tư bản. Nó chỉ nằm trong lòng dân tộc¹⁷.

Cuộc tấn công chùa chiền đêm 20 tháng 8 của chính quyền đã làm tê liệt các cơ cấu lãnh đạo và khả năng tổ chức của Phật giáo, nhưng lại nhờ thế mà Phật giáo đốt được ngọn lửa tinh thức trong lòng đại khối quần chúng. Những chiến dịch khủng bố và đàn áp đã man nhãn vào giới tăng sĩ lãnh

đạo đã làm cho các tăng sĩ Phật giáo trở thành biểu tượng tiên phong hơn là thành viên lãnh đạo của phong trào đấu tranh.

Trong số những tăng sĩ lãnh đạo cuộc đấu tranh chống chế độ Diệm, Thượng tọa Thích Trí Quang là nhân vật bị anh em nhà Ngô đánh giá nguy hiểm hơn cả. Năm 1963, Ngô Đình Nhu đã nói với ký giả Jerrold Schecter rằng:

“Năm 1961, Trí Quang thuyết phục em tôi là Ngô Đình Cẩn để Cẩn chi tiền cho Trí Quang xây dựng một cơ cấu chống Cộng trong giáo hội Phật giáo vì Cộng sản đã xâm nhập vào Giáo hội. Cẩn bằng lòng giúp Trí Quang và sự giúp đỡ đó đã trở thành yếu tố làm cho em tôi suy sụp. Trí Quang là người thủ đoạn nhất và đã có âm mưu lật đổ Chính phủ từ lâu rồi. Có lẽ trong tương lai chưa biết khi nào, tên tuổi Trí Quang sẽ đồng nghĩa với âm mưu”¹⁸

Không biết việc Thượng tọa Trí Quang yêu cầu ông Ngô Đình Cẩn giúp đỡ tiền bạc có thật hay không, hay là ông Ngô Đình Nhu bày đặt ra để xuyên tạc một nhà sư đang là kẻ đối thủ của ông ta. Nhưng nếu quả có sự kiện đó thì chẳng qua Thượng tọa Trí Quang chỉ muốn giải tỏa những nghi ngờ chính trị của chính quyền. Còn bảo rằng Thượng tọa Trí Quang là người thủ đoạn thì chẳng qua ông Ngô Đình Nhu “suy bụng ta ra bụng người” vì đáng lý lời phê phán đó phải được áp dụng cho chính cuộc đời ông Ngô Đình Nhu đầy đầy những thủ đoạn bá đạo như bao nhiêu sách sử và nhân chứng đã nói. Còn bảo rằng Thượng tọa Trí Quang âm mưu lật đổ Chính phủ từ lâu thì đó chỉ là một lời xuyên tạc vì như tôi đã trình bày ngay từ năm 1956, chế độ Diệm đã bắt đầu chính sách kỳ thị Phật giáo mà Phật giáo đề chỉ có một “âm mưu” là cần rằng chịu đựng cho mãi đến năm 1963, vì tính cách kỳ thị trắng trợn quá độ bằng lệnh cấm treo cờ Phật giáo nhân ngày Phật Đản, Phật giáo và Thượng tọa Trí Quang mới vùng lên để đòi quyền sống cho tôn giáo họ. Ngoài ra, nếu Thượng tọa Trí Quang có âm thầm bất mãn và có ý định lật đổ Chính phủ từ lâu như ông Ngô Đình Nhu đã nói thì thử hỏi các ý định đó đã xuất phát từ những yếu tố nào, từ động cơ nào? Hỏi tức là đã trả lời rồi vậy. Vì vậy, với những chế độ như chế độ Ngô Đình Diệm, một loại chế độ của vợ chồng Marcos (Phi Luật Tân), chế độ của thiểu số thực dân da trắng Nam Phi ngày nay thì có riêng gì Thượng tọa Trí Quang có ý định lật đổ mà quân đội, đảng phái, giáo phái, chính khách, hết lớp này đến lớp khác cũng đã có những âm mưu, những hành động lật đổ chế độ đó rồi.

Đêm 20 tháng 8, khi chùa Xá Lợi bị tấn công, Thượng tọa Trí Quang cũng ở trong số Tăng Ni bị bắt giải đi, nhưng nhờ ông khéo cải trang lẫn lộn vào

đám Tăng Ni Phật tử nên mặc dù công an mật vụ dày công tìm kiếm, phân cách, chọn lựa mà ông vẫn không bị bắt giải về trại giam Võ Tánh như trường hợp Thượng tọa Tâm Châu, Thiện Minh... hay cư sĩ Mai Thọ Truyền. Tình cảnh của Phật giáo đờ Việt Nam lúc bấy giờ là tình cảnh chim lồng cá chậu, riêng đối với Thượng tọa Trí Quang, quê hương mênh mông mà ông không có đất dung thân. Hai ngày sau, ông trốn được vào Tòa đại sứ Mỹ, chủ trương của ông là ẩn nấp vào nhà người Cha khi ông bị người Con đánh đuổi để dùng cái uy của người Cha mà kèm chế đưa con hung hăng. Cùng trốn với ông có Đại Đức Thích Nhật Thiện, một nhà sư trẻ biết nói tiếng Anh thành thạo. Theo Đại sứ Cabot Lodge thì trong thời gian Thượng tọa Trí Quang ở trong Tòa đại sứ ông rất ít nói, nhiều khi đã làm cho Đại sứ bực mình. Một nhân viên Tòa đại sứ giải thích rằng những nhà sư Việt Nam thường có thái độ “nói không hết lời”. Họ nhận họ là người Việt Nam trước đã rồi mới là nhà sư. Họ có những đức tính và cả những khuyết điểm, những khuyết điểm do dân tộc tính gây nên, không phải do đạo Phật, vì thế cho nên họ tự cho họ trước khi là nhà sư họ là người Việt, thứ người Việt yêu thương gia đình và yêu thương phần đất quê hương mình trước hết.

Thượng tọa Trí Quang sinh tại làng Diêm Điền, phủ Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Thượng tọa tên thật là Phạm Văn Bông, sinh năm 1922 thuộc một gia đình trung nông. Làng của Thượng tọa ở gần Lũy Thầy của Đào Duy Từ, cách tỉnh lỵ Đồng Hới 3 cây số. Dân làng Diêm Điền vừa làm củi, vừa làm muối, vừa làm nghề nông nên đa số có cuộc sống tương đối đầy đủ. Thượng tọa Trí Quang có 3 người anh em: một người đi tu là Thích Diệu Minh, một người là Phạm Chánh chết năm 1947, một người nữa là Phạm Đại theo Việt Minh kháng chiến làm y tá, sau trở về vùng quốc gia rồi gia nhập Việt Bình đoàn dưới chế độ Bảo Đại, sau này trở thành Hạ sĩ quan trong quân đội Việt Nam Cộng Hòa. Nhiều người Quảng Bình quen biết gia đình Thượng tọa thường gọi gia đình ông là gia đình Quang Minh Chánh Đại, do sự ghép tên của bốn người con trai này. Thân phụ Thượng tọa chết năm 1945.

Sau khi đỗ bằng tiểu học năm 13 tuổi, Thượng tọa Trí Quang xin quy y và tu học tại một ngôi chùa ở Đồng Hới rồi được cử vào học tại chùa Bảo Quốc Huế. Là một tăng sinh hết sức thông minh nhưng cũng hết sức cứng đầu, nhiều lần tưởng đã bị đuổi khỏi trường, nhưng nhờ thầy là Thượng tọa Trí Độ khoan dung bảo bọc nên mới được tiếp tục tu học. Xuất thân từ Cao Đẳng Học Viện Huế năm 1944, ông chính thức trở thành tăng sĩ.

Khoảng tháng 6 năm 1946, lúc mới 24 tuổi, ông theo Thượng tọa Trí Độ ra Bắc và được cử làm giáo sư dạy tại Phật học viện Hà Nội... Cũng như bao nhiêu thanh niên yêu nước lên đường chống giặc, ông gia nhập Hội Phật Giáo cứu quốc của Việt Minh do Thượng tọa Thích Mật Thể, một dân biểu Quốc hội cầm đầu, vì đối với ông việc chống ngoại xâm giành độc lập cho Tổ quốc là lý tưởng cao cả mà lúc bấy giờ ông Hồ Chí Minh đang hô hào toàn dân chống thực dân Pháp, kẻ thù của dân tộc đang tái xâm lăng Việt Nam để thiết lập lại nền đô hộ.

Chiến sự tại Bắc Việt bùng nổ vào tháng Chạp năm 1946, Thượng tọa Trí Quang từ giã Hà Nội trở về miền Trung và đến Huế vào khoảng tháng 7 năm 1947, vào lúc quân đội Pháp đã đánh chiếm xong Huế và 4 tỉnh miền Trung. Về Huế, ông lại gia nhập Hội Phật Giáo Cứu Quốc để tiếp tục hoạt động cho Việt Minh nên bị Pháp nghi là cán bộ Cộng sản, vì vậy ông bị bắt nhưng chỉ bị giữ độ 10 ngày. Được trả tự do, ông làm giảng sư cho Phật Học Viện Huế, được phép đi Đà Lạt để thuyết pháp và làm chủ nhiệm báo Viên Âm. Tuy vẫn bị Pháp kiểm soát nhưng đến 1952, ông được phép đi Nhật Bản dự Đại hội Phật giáo Thế giới 28 ngày. Năm 1953, biết ông là người tuy có tinh thần chống Pháp và thân kháng chiến nhưng không phải là đảng viên Cộng sản, sở Liêm Phóng Trung Việt bãi bỏ lệnh kiểm soát nên từ đó Thượng tọa Trí Quang được tự do đi lại khắp nơi.

Thượng tọa Trí Quang là một tăng sĩ khắc khổ, đọc nhiều sách, thích chơi cờ tướng, và thích nhạc cổ điển Tây Phương. Qua những cuộc đàm thoại với ông hay qua những bài tham luận của ông về văn hóa, tôn giáo, lịch sử, triết lý đăng trên những tạp chí Phật giáo như Hải Triều Âm, Viên Âm v.v... giới trí thức miền Trung kính phục ông là người vừa uyên thâm lại vừa uyên bác. Nếu tôi nhớ không lầm thì ông Nghiêm Xuân Hồng đã viết đâu đó những lời tán phục Thượng tọa Trí Quang đã dịch được tác phẩm “Lương Hoàng Sâm”, một cuốn kinh rất phức tạp, khó dịch cả về nội dung lẫn văn từ, vốn được viết theo Đại tạng kinh nói về cuộc giải thoát tâm linh cho bà Hy Thị Hoàng Hậu vợ của vua Lương Vũ Đế (Tây lịch 502-549) do lớp cao tăng Trung Quốc lúc bấy giờ làm lễ sám hối cho Hy Thị được siêu thăng.

Năm 1954, khi đất nước chia đôi, gia đình Thượng tọa Trí Quang cũng bị phân cách đôi miền. Thượng tọa và người em làm Hạ sĩ quan thì ở miền Nam trong lúc thân mẫu và người em đi tu thì ở lại miền Bắc. Thuộc thành phần tiểu tư sản có mấy mẫu tư điền, thân mẫu Thượng tọa bị Cộng sản đầu tở, giam cầm trong lúc người em tăng sĩ Thích Diệu Minh ở trong mặt trận Tổ Quốc của Việt Minh. Tháng 11 năm 1954 Thượng tọa Trí Quang bị

chính quyền Ngô Đình Diệm bắt giam mấy ngày vì tội “có chân trong Phong trào Hòa Bình”.

Theo ký giả Jerrold Schecter thì ngay từ khi ông Diệm vừa lên cầm quyền, Thượng tọa Trí Quang đã bày tỏ mối lo âu về tương lai của Phật giáo Việt Nam: “Cuộc sống dưới chế độ ông Diệm sẽ còn nguy hiểm và khó khăn hơn dưới thời Pháp thuộc, và chúng ta sẽ phải chịu đựng một thời kỳ đen tối nữa”¹⁹. Dù đã tiên đoán đúng tương lai đen tối của Phật giáo nhưng suốt 9 năm trời dưới chế độ Diệm, Thượng tọa cũng như Giáo hội Phật giáo miền Trung vẫn không dính dự vào một âm mưu hay sinh hoạt chính trị nào. Ngay cả những năm đầu của chế độ Diệm, lúc mà tất cả những tôn giáo (trừ Công giáo), đảng phái tại miền Nam đều chống lại ông Diệm làm cho địa vị ông Diệm lung lay, Phật giáo vẫn đứng ngoài mọi tranh chấp, chỉ lo hàn gắn những vết thương nội bộ do cuộc chiến Pháp - Việt 10 năm gây ra mà thôi. Năm 1957, nhân có lời mời tham dự hội chợ Thác Luông và Đại lễ Phật giáo của Hoàng Gia Lào, Chính phủ Ngô Đình Diệm cử một phái đoàn thân hữu đi Luang Prabang. Phái đoàn do Bộ trưởng Thông tin Trần Chánh Thành cầm đầu với các ông dân biểu Nguyễn Phương Thiệp, đại diện Bộ văn hóa giáo dục ông Thái Văn Kiểm, đại diện Bộ Ngoại giao ông Hoàng Đại Sầm, còn về phía Phật giáo có các Thượng tọa Trí Thủ, Đôn Hậu, và Trí Quang. Suốt 9 năm sống dưới chế độ Diệm tại Huế, Thượng tọa Trí Quang thỉnh thoảng có đến thăm ông Ngô Đình Cẩn với tư cách đồng hương để gián tiếp trình bày thái độ ôn hòa nhẫn nhục của Phật giáo trước những áp bức của chính quyền như đã kể trong chương trước. Ông Ngô Đình Cẩn thỉnh thoảng cũng đến chùa viếng thăm Thượng tọa. Những hình thức xã giao này phần nào giúp Thượng tọa tránh được những vu khống và xuyên tạc của nhóm Công giáo Cần Lao.

-o0o-

Tuy nhiên Cây muôn lặng mà gió chẳng ngừng. Mặc dù Phật giáo đồ và Thượng tọa Trí Quang đã hết sức chịu đựng nhưng đến năm 1963, chính sách kỳ thị và áp bức của chế độ Diệm lên đến cao điểm, tham vọng trở thành Hồng Y của Giám mục Ngô Đình Thục lên đến cực độ, chủ trương Công giáo hóa nhân dân miền Nam của anh em ông Diệm và nhóm Công giáo Cần Lao lên đến mức độ quyết liệt, ông Diệm ra lệnh cấm treo cờ Phật giáo mở đầu cho một biến cố làm rung chuyển miền Nam. Bị dồn vào chân tường, Phật giáo đồ và Thượng tọa Trí Quang buộc phải đấu tranh để giành quyền sống cho Giáo hội. Chính nghĩa đấu tranh của Phật giáo được dân cả nước ủng hộ mà ngay cả nhiều người Thiên Chúa giáo, cả Khâm mạng Tòa

Thánh La Mã tại Sài Gòn, cả Đức Giáo Hoàng cũng có cảm tình, lương tri nhân loại rung động, thế mà ông Diệm lại gán cho phong trào đấu tranh của Phật giáo là phong trào Cộng sản lại còn tuyên bố “Cộng sản sắp tràn ngập Thủ đô” khi ông ra lệnh tấn công chùa chiền đêm 20 tháng 8. Ông Nhu thì gán cho Thượng tọa Trí Quang âm mưu lật đổ chính quyền. Sau 1975, tại hải ngoại sách báo của giới Công giáo Cần Lao bày đặt ra đủ thứ chuyện để xuyên tạc Thượng tọa là cán bộ Cộng sản. Họ mượn cái dĩ vãng của Thượng tọa hoạt động cho Việt Minh thời chiến tranh Pháp - Việt (1945-1954) để dẫn chứng ông là một đảng viên Cộng sản nằm vùng.

Năm 1945, Việt Minh cướp chính quyền, năm 1946 quân xâm lược Pháp trở lại đánh chiếm Việt Nam, ông Hồ Chí Minh kêu gọi toàn dân kháng chiến chống xâm lăng, lời kêu gọi trên dù với chiêu bài của một cuộc cách mạng dân tộc để che dấu cho cuộc cách mạng vô sản sau này, thì ở vào thời điểm truân chuyên nghiêng ngửa đó của đất nước, vẫn đánh động được những tâm lòng yêu nước thương nòi của hàng hàng lớp lớp nhân dân, nhất là thành phần thanh niên, chủ lực thế hệ của dân tộc. Nông dân, thợ thuyền, tu sĩ, công chức, sinh viên, tiểu thương, quân nhân, trí thức,... già trẻ lớn bé đều đã đứng lên đáp lời sông núi, chống xâm lăng bảo vệ độc lập, thì một thanh niên 24 tuổi như Thích Trí Quang, được nuôi dưỡng trong tình yêu của dân tộc và đạo pháp, trong niềm kiêu hãnh của môn đồ Vạn Hạnh, Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn, Trần Nhân Tôn, được hun đúc theo tinh thần Hội nghị Diên Hồng, cũng dần thân theo kháng chiến là điều tất nhiên. Cũng như những thanh niên Phạm Duy, thanh niên Nguyễn Mạnh Côn, thanh niên Doãn Quốc Sỹ, và hàng triệu thanh niên khác đã lên đường theo kháng chiến. Vua Bảo Đại còn từ bỏ ngai vàng bệ ngọc nhường quyền cho Việt Minh, giám mục Lê Hữu Từ còn làm cố vấn tôn giáo cho Hồ Chí Minh, giáo chủ Huỳnh Phú Sổ còn vào bưng theo Việt Minh kháng chiến, văn hào Nguyễn Tường Tam còn làm Bộ trưởng Ngoại giao cho Việt Minh, lãnh tụ Việt Nam Quốc Dân Đảng Vũ Hồng Khanh còn ký vào Hiệp ước Sơ bộ ngày 6 tháng 3 năm 1946 để cùng Việt Minh đánh Pháp... thì tại sao Thượng tọa Trí Quang lại không theo Việt Minh? Tại miền Trung, nhà cách mạng Huỳnh Thúc Kháng làm Bộ trưởng Nội vụ cho Việt Minh, các nhân sĩ, trí thức tiếng tăm như Đào Duy Anh, Phan Khôi, Bùi Bằng Đoàn, Lê Đình Thám, v.v... đều theo Việt Minh thì tại sao người thanh niên Trí Quang lại không theo phong trào Việt Minh để kháng chiến? Điều quan trọng đáng nói là năm 1954, khi ranh giới Quốc Cộng đã được phân định rõ ràng thì Thượng tọa Trí Quang cũng chấm dứt mọi hoạt động cho Việt Minh, và điều quan trọng đó nhóm Công giáo Cần Lao lại không nói đến.

Anh em ông Diệm và nhóm Công giáo Cần Lao không nói đến nhưng ký giả ngoại quốc đã nói đến, đã biết rõ lập trường của Phật giáo Việt Nam của Thượng tọa Trí Quang là lập trường chống Cộng:

“... Chính phủ Diệm lập đi lập lại rằng Phong trào đấu tranh của Phật giáo năm 1963 là phong trào của Cộng sản. Nhưng theo nghiên cứu của nhân viên cao cấp của chính quyền Hoa Kỳ thì Trí Quang đã có liên hệ với Việt Minh, đã chống Pháp, và khi chống lại các Chính phủ miền Nam Việt Nam đã chống luôn cả Cộng sản. Chủ trương của Phật giáo là muốn tạo dựng một nước Việt Nam trung lập, họ đã chống lại sự chia cắt đất nước năm 1954 và tại miền Bắc, họ đã gặp nhiều khó khăn, họ không có cảm tình với Cộng sản”²⁰.

Người Việt miền Nam dưới hai chế độ Đệ Nhất và Đệ Nhị Cộng Hòa hễ ai nói tới “trung lập” và “hòa bình” thì bị chụp mũ Cộng sản. Những nhà lãnh đạo miền Nam không ý thức được rằng chính Cộng sản Việt Nam mới là kẻ lo sợ một miền Nam “trung lập và hòa bình”, nhất là một miền Nam gia nhập vào khối “phi liên kết”.

Hướng chi, có riêng gì Phật giáo chủ trương “trung lập và hòa bình” mà ngay cả Giáo chủ Cao Đài Phạm Công Tắc, sau khi đất nước chia đôi cũng chủ trương miền Nam “trung lập và hòa bình”. Tôi tin rằng nhiều bậc cao niên của Cao Đài cũng như nhiều chính khách của miền Nam thời bấy giờ, còn sống sót tại hải ngoại cho đến ngày nay, cũng còn nhớ rằng Giáo chủ Phạm Công Tắc đã đòi hỏi Thủ tướng Ngô Đình Diệm nên thực hiện chủ trương “trung lập và hòa bình” để chống lại âm mưu thôn tính miền Nam của Cộng sản Bắc Việt.

Ngay cả ông Diệm sau khi bất đồng ý kiến với Cựu hoàng Bảo Đại tại Hồng Kông năm 1948 cũng đã chủ trương phải bắt tay với kháng chiến. Năm 1950, trên đường đi Mỹ, khi ghé qua Hồng Kông ông đã tuyên bố: “Chính phủ tương lai phải là Chính phủ gồm những người đang cầm súng kháng chiến”, như tôi đã nói trong một chương trước, vậy ông Diệm cũng thân Cộng hay sao?

Nhắc lại chủ trương “trung lập và hòa bình”, tôi không khỏi nhớ đến Hội nghị Bandung:

Ngày 1 tháng 2 năm 1955, Thủ tướng Nam Dương nhân danh khối Colombo, đại diện Miến Điện, Tích Lan (Phật giáo), Ấn Độ (Ấn Độ giáo), Hồi Quốc (Hồi Quốc và Nam Dương đều theo Hồi giáo) mời một số quốc

gia trong đó có cả miền Nam Việt Nam (mà không có Cộng sản Hà Nội) tham dự, mở màn cho việc thành lập “Khối Các Quốc gia Phi Liên Kết”, trung lập trong cuộc tranh chấp giữa Cộng sản và Tư bản. Đây là một nỗ lực nhằm tạo đoàn kết cho các quốc gia đệ tam (“chậm tiến”) thành một sức mạnh quốc tế để phá vỡ cái trật tự của gọng kềm “lưỡng cực Cộng sản, Tư bản” do Nga Xô và Hoa Kỳ áp đặt. Sự thành hình của nó là kết quả những vận động khó khăn kiên nhẫn của những chiến sỹ dày công tranh đấu cho hòa bình như Nehru, Thủ tướng Ấn Độ, như Tito, Quốc trưởng Nam Tư. Ngay cả Trung Cộng, một nước Cộng sản khổng lồ, nhìn được cái lợi thế chính trị của Khối Phi Liên Kết cũng phải tìm cách vào đứng chung với các tiểu quốc. Nước Miến Điện nhỏ bé và cô lập giữa vùng rừng núi cao nguyên đã nhờ ở trong Khối Phi Liên Kết và nhờ thế trung lập mà bên trong đã diệt trừ được Cộng sản Miến, bên ngoài lại được Trung Cộng (ngay cả dưới thời Mao Trạch Đông) phải tôn trọng nền độc lập, trung lập trọn vẹn. Ông U-Thant, một chính trị gia Miến Điện, giữ chức Tổng thư ký Tổ chức Liên Hiệp Quốc đến hai nhiệm kỳ.

Chủ trương Việt Nam trung lập phi liên kết là một sáng tạo chính trị tích cực và là một đóng góp quý giá của Phật giáo Việt Nam cho dân tộc trong cái viễn ảnh đó, tiếc thay cả hai ông Hồ và Ngô đều giáo điều và thiên cận nên không nhìn thấy được, do đó đã làm cho đất nước tang thương và dân tộc điêu linh mãi cho đến ngày nay.

Năm 1955, Giáo sư Nguyễn Văn Thoại, Bộ trưởng Kinh tế, và tướng Trình Minh Thế được cử đi tham dự Hội Nghị Bandung, nhưng đã không làm gì được gì vì ngay từ gốc và từ đầu, ông Ngô Đình Diệm đã tự nguyện đặt miền Nam nằm trong quỹ đạo của Hoa Kỳ rồi. Không đứng trong khối trung lập phi liên kết (trung lập mà vẫn có thể chống Nga Xô và nhận viện trợ Hoa Kỳ như Nam Tư của Tito, hay vẫn được Mỹ ủng hộ và hoà hoãn với Trung Cộng như Miến Điện) cho nên suốt hai mươi năm chống Cộng, miền Nam Việt Nam đã không được khối đồng đảo “phi liên kết” hậu thuẫn, mà lại còn bị các nước Bắc Âu tẩy chay.

Đau đớn nhìn lại lịch sử, nếu miền Nam Việt Nam sau Hiệp định Genève 1954 biết chọn con đường trung lập như khát vọng của Phật giáo, thì biết đâu tháng tư 1975 đã không xảy ra để rồi khi mất nước vào tay Cộng sản, lưu vong nơi xứ người, nhiều chính khách, lãnh tụ, tướng tá, trí thức, cả già lẫn trẻ mong cầu Việt Nam sau khi được giải thoát khỏi chế độ Cộng sản sẽ là một quốc gia trung lập.

Trở lại với cuộc đấu tranh Phật giáo năm 1963, một cuộc đấu tranh có tính cách nhân dân mà Việt Cộng đang tìm cách tranh giành ảnh hưởng, cấp lãnh đạo Phật giáo đã phải làm sáng tỏ lập trường của mình, một mặt để tránh tình trạng lợi dụng của Việt Cộng, mặt khác để tránh sự xuyên tạc của chính quyền.

Trước hết là lập trường của Thượng tọa Thích Hộ Giác, một chức sắc cao cấp của Giáo hội. Ký giả Jerrold Schecter trong tác phẩm *New Face of Buddha* kể lại rằng:

Thượng Tọa Hộ Giác nguyên là con trai của một thương gia giàu có tại miền Nam, ông ta lên Phnom Penh sống với thân phụ. Mới sáu tuổi ông đã vào chùa tu học, đến năm 1958, ông trở thành một tăng sĩ. Trở về Việt Nam và chu du khắp vùng Phật giáo nguyên thủy (Therevada) gần biên giới Việt-Miên để hô hào lôi kéo Phật tử ủng hộ Chính phủ Ngô Đình Diệm. Nhưng đến năm 1963, khi biến cố Phật giáo xảy ra, ông ta theo phong trào tranh đấu để chống lại chế độ Ngô Đình Diệm. Ông ta đã hết sức bất mãn vì những lời xuyên tạc Phật giáo là Cộng sản hay cho rằng Phật giáo đã giúp đỡ Cộng sản. Ông ta đã nói: *“Tây phương và Hoa Kỳ không hiểu gì về Phật giáo cả vì thế mới nảy ra tâm lý chủ bại tại Việt Nam. Người Hoa Kỳ đã nghĩ rằng Phật giáo thân Cộng sản, giúp đỡ cho Cộng sản. Trái lại Phật giáo đã đổ ra không biết bao xương máu mà vẫn bị Chính phủ phản bội. Nên nhớ rằng 80% binh sĩ trong quân đội đều theo đạo Phật và nếu người Mỹ muốn có mặt tại miền Nam, họ phải chấp nhận Phật giáo là chủ lực căn bản tại xứ này. Họ phải thành thực giúp đỡ cho Phật giáo”*. Thượng Tọa Hộ Giác còn nói rằng: *“Phật tử với nhân dân Việt Nam là một. Nguyên vọng của nhân dân cũng là nguyên vọng của người Phật tử”*.

(Ghi chú của ký giả Jerrold Schecter: “Trong số 16 triệu dân Việt Nam có 12 triệu Phật tử thật sự hay chỉ thờ Phật. Khoảng chừng 2 triệu trong số 12 triệu đó thuộc về phái Therevada, số còn lại thờ Phật giáo Bắc tông và những người theo “Tam giáo Đòng Nguyên”). Nêu trường hợp Thượng tọa Hộ Giác ra là chỉ muốn nêu trường hợp một tăng sĩ cao cấp đã hết lòng ủng hộ chế độ Diệm mà cuối cùng đành phải đấu tranh chống lại chính sách kỳ thị tôn giáo của chế độ đó. Thật ra, như hàng triệu Phật tử Việt Nam đều biết rằng toàn thể tăng sĩ Phật giáo có ai theo Cộng sản đâu (trừ vài vị sư không tên tuổi bị Cộng sản lợi dụng).

Ngoài ký giả Jerrold Schecter (ký giả chuyên nghiên cứu về đạo Phật) ký giả Stanley Karnow cũng chứng minh Phật giáo Việt Nam không có một liên hệ nào với Cộng sản cả. Karnow viết rằng:

Trong biến cố Phật giáo, chế độ Diệm cho rằng toàn thể nội vụ đều do bàn tay của Cộng sản, dù một bác sĩ tiếng tăm khi khám nghiệm thân thể các nạn nhân của vụ lựu đạn nổ tại Đài Phát thanh Huế, công nhận lời tố cáo của Phật giáo là đúng, nhưng Chính phủ Diệm đã gạt bỏ tờ trình đó. Phật giáo cũng yêu cầu Chính phủ trừng trị kẻ đã gây ra vụ đổ máu, nhưng Chính phủ Diệm cũng không đem xia gì đến lời yêu cầu đó.

Bây giờ thì Phật giáo phải tranh đấu, với thời gian ngắn ngủi mà họ đã thu lượm được kết quả tuyệt diệu. Phật giáo không có liên hệ gì với Cộng sản hết nhưng họ đã dùng kỹ thuật như kỹ thuật của Cộng sản. Họ tổ chức những tổ tam chế, thiết lập các bộ chỉ huy tại các chùa, rải truyền đơn, treo biểu ngữ, và nhiều hình thức tuyên truyền khác. Họ vận động gia đình binh sĩ và công chức để lôi kéo những thành phần này đứng vào hàng ngũ đấu tranh của Phật giáo, v.v...²¹.

Rất nhiều ký giả quốc tế khác cũng cùng một nhận định như Karnow.

Trong lúc đó thì chính quyền Kennedy dựa vào bản phúc trình của tình báo Mỹ, biết Phật giáo không phải là Cộng sản nên đã cố gắng khuyến cáo Tổng thống Diệm nên thỏa hiệp với Phật giáo để công cuộc chống Cộng khởi bị ngừng trệ, nếu không thì miền Nam sẽ vô cùng bất ổn. Tờ trình của tình báo Mỹ ngày 10 tháng 7 năm 1963 đã nghiên cứu và phân tách rõ ràng qua 3 nhận định chiến lược sau đây²²:

A. Biến cố Phật giáo tại Việt Nam đã làm nổi bật và gia tăng nỗi bất mãn lâu dài và sâu rộng của dân chúng đối với ông Diệm và cung cách cai trị của ông ta. Nếu ông Diệm không chịu thành thực và mau chóng giải quyết vụ Phật giáo thì tình hình trở nên vô cùng bất ổn, một cuộc ám sát hoặc một cuộc đảo chánh sẽ có thể xảy ra dễ dàng hơn bao giờ hết.

B. Vì biến cố Phật giáo mà Chính phủ Diệm đã làm cho sự hiện diện và sự tham chiến của Mỹ tại miền Nam Việt Nam mất chính nghĩa. Tình trạng này buộc Hoa Kỳ phải giảm bớt mức độ hiện diện tại miền Nam trong tương lai.

C. Rõ ràng cho đến bây giờ, Phật giáo chưa bị Cộng sản lợi dụng và khai thác, và biến cố Phật giáo chưa có một hậu quả nào có lợi cho hoạt động phiến loạn của “Mặt trận Giải phóng miền Nam”. Chúng tôi không tin rằng

ông Diệm sẽ bị lật đổ bởi Cộng sản. Và chúng tôi cũng không tin rằng Cộng sản cần lợi dụng biến cố Phật giáo nếu ông Diệm bị lật đổ bởi những phần tử đối lập không Cộng sản... Một chế độ không Cộng sản nối tiếp chế độ Diệm lúc đầu sẽ thiếu hiệu năng chống Cộng, nhưng nếu được Hoa Kỳ tiếp tục ủng hộ và xây dựng một sự lãnh đạo có khả năng thì có thể có một chính phủ tốt²³.

Nêu lên một số nhận định và phức trình đó là để thấy Phật giáo Việt Nam không phải là một tổ chức thân Cộng. Chính nghĩa đấu tranh chống bạo quyền của Phật giáo được dân cả nước (trừ Cần Lao Công giáo và Cộng sản) yểm trợ, được cả thế giới tự do biểu đồng tình, thế mà anh em ông Diệm cứ một mực gán cho Phật giáo là Cộng sản. Thậm chí sau năm 1975, ra nước ngoài, báo chí Cần Lao Công giáo còn xuyên tạc phỉ báng hành động tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức. Họ bảo rằng Hòa Thượng đã bị tiêm thuốc cho chết cứng rồi bị đẩy ra làm mồi cho ngọn lửa. May mà hành động tự thiêu hào hùng của Ngài được hàng chục ký giả ngoại quốc (vốn đã được Phật giáo bí mật thông báo cho biết trước) đề đến quay phim, chụp hình, viết tường trình tả rõ cảnh tự thiêu để cả thế giới nhận biết sự thật. Cuộc tự thiêu vĩ đại này làm rúng động con tim nhân loại cũng đã được một nhân chứng là ông Huỳnh Văn Hải (hiện sống ở San Jose, California) người tưới xăng vào thân thể Hòa thượng kể lại từng chi tiết trên nguyệt san Chấn Hưng (xuất bản tại Los Angeles số 4 ngày 8-8-1978).

Một sự kiện lịch sử công khai, minh bạch như thế mà những tay chân nhà Ngô còn dám đổi trắng thay đen thì còn biết bao nhiêu chuyện khác họ đã xuyên tạc sự thật hầu che lấp tội ác của Ngô triều và của họ.

Bài thơ “Lửa Từ bi” của Thi hào Vũ Hoàng Chương mà tôi trích lại một phần sau đây ca ngợi vụ tự thiêu lịch sử đó đã nói lên cái tinh thần Hòa và Hóa của đạo Phật:

*... Người siêu thăng giông bão lắng từ đây.
Bóng Người vượt chín tầng mây,
Nhân gian mát rượi bóng cây Bồ Đề.
Ngọc hay đá tượng chẳng cần ai tạc,
Lụa hay tre nào khiến bút ai ghi,
Chỗ Người ngồi một thiên thu tuyệt tác,
Trong vô hình sáng chói nét Từ Bi.*

...
Ôi ngọn lửa huyền vi!

*Thế giới ba nghìn phút giây ngo ngác,
Từ cõi vô minh hướng về cực lạc;
Vần điệu của thi nhân chỉ còn là rom rác,
Và chỉ nguyện được là rom rác,
Thơ cháy lên theo với lời Kinh,
Tụng cho Nhân loại hòa bình,
Trước sau bền vững tình Huỳnh Đế này.*
Vũ Hoàng Chương
(Sài Gòn tháng 5, Phật Lịch 2507)

Ôi! Ngọn lửa huyền vi của Bồ tát Thích Quảng Đức và lời thơ hùng tráng của thi hào Vũ Hoàng Chương làm xúc động nhân gian thế mà không cảm hóa nổi lòng dạ của những con người vốn là hậu duệ của Vua Constantin, của Pigneau de Béhaine, Alexandre de Rhodes, Puginier,...

Nhớ đến bài thơ của Vũ Hoàng Chương, tôi không quên nhắc lại cuốn sách “Những Bí ẩn Về cái chết của Việt Nam” của ông Phạm Kim Vinh, cuốn sách đã được các ông Đào Sĩ Phu và Võ Phiến nghiêm khắc phê phán²⁴.

Qua tác phẩm “Những Bí ẩn Về cái chết của Việt Nam”, tôi nhận thấy ông Phạm Kim Vinh đã không biết rõ về Tổng thống Ngô Đình Diệm cũng như về Thượng tọa Trí Quang, thế mà ông lại hết lời ca tụng ông Diệm cũng như nặng lời mạt sát Thượng tọa Trí Quang. Để bênh vực ông Diệm, tác giả Phạm Kim Vinh bảo rằng: “Phật giáo làm hại ông Diệm vì chống đối ông quá” (trang 82). Nhưng sau đó Phạm Kim Vinh sớm tỉnh ngộ để sửa chữa lại những sai lầm do ông đã nêu lên trong tác phẩm sử đầu tay của ông viết tại Hoa Kỳ.

Trước hết ông đã mượn đề tài Tưởng niệm Vũ Hoàng Chương để lên án chế độ Ngô Đình Diệm:

Sau Vân Muội, giới yêu thơ còn có dịp thưởng thức những thi phẩm xuất sắc khác của Vũ Hoàng Chương như Mây, Say, Rừng Phong và Tâm Sự Kẻ Sang Tần. Với thời gian, thi phẩm của họ Vũ đã đưa ông tới chỗ đứng rất cao trong giới làm thơ và xứng đáng được thế hệ thi sĩ trẻ xưng tụng là đàn anh.

Với vóc dáng thư sinh, ngôn ngữ rất ôn hòa, với nhiều thi phẩm lãng mạn ít ai hiểu được rằng bên trong nhà thơ ấy đã nung nấu một ngọn lửa quyết liệt chống lại mọi hình thức bạo lực và bạo quyền. Năm 1963 bài thơ “Lửa Từ Bi” bắt đầu mang đến cho Vũ Hoàng Chương những sự trả thù hằn học của

Ngô triều vì bài thơ ấy đã lên tiếng khẳng khái chống đối sự đàn áp tôn giáo. Nhưng sự trả thù ấy chỉ làm cho uy tín của họ Vũ tăng lên và tâm hồn của ông do đó càng thêm cao cả²⁵.

Chẳng những lên án chế độ Ngô triều là chế độ bạo lực, bạo quyền, ông Phạm Kim Vinh còn “đạp” ông Ngô Đình Diệm xuống tận bùn dơ qua tác phẩm Lịch sử Chiến đấu của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa.. Với tác phẩm này, Phạm Kim Vinh đã không tiếc lời miệt thị ông Diệm, nào là “bất tài bất trí”, nào là “ngu xuẩn, thiển cận, bè phái, kỳ thị”, nào là “thường phạt bất minh”, nào là “dùng quân đội cốt để bảo vệ cái ghế Tổng thống trước đã”, nào là “coi binh lính như thời phong kiến” để rồi cuối cùng kết tội ông Diệm đã làm sa sút tinh thần quân đội để cho Việt Cộng tạo được chiến thắng. Ông Phạm Kim Vinh cũng không quên lên án ông Diệm đã nhìn vấn đề chống Cộng tại Việt Nam như là vấn đề của riêng gia đình họ Ngô. Ông Phạm Kim Vinh còn kết án ông Diệm rất nặng nề qua trận thảm bại “Áp Bắc” đầu năm 1963:

Dù nào đi nữa thì đường lối cai trị của ông ta đã tạo điều kiện cho thế giới bên ngoài coi rẻ sự hy sinh của quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Trận Áp Bắc chỉ là một trong nhiều trận đánh đó, Quân lực Việt Nam Cộng Hòa tiếp tục xả thân chiến đấu trong khi những kẻ lãnh đạo ngồi tại Sài Gòn vì ngu xuẩn và vì chỉ nghĩ đến quyền lợi vị kỷ thấp hèn, đã triệt tiêu mất các kết quả của bao nhiêu xương máu và hy sinh của quân lực ấy mới tạo nên được sau những tháng năm chiến đấu gian khổ²⁶.

Thế là ông Phạm Kim Vinh đã công nhận cuộc đấu tranh của Phật giáo năm 1963 là một cuộc đấu tranh chống bạo lực và bạo quyền, và kết tội ông Diệm là phong kiến, gia đình trị, đảng trị, tham nhũng, thối nát,... Cung cách cai trị của ông Diệm đã làm cho thế giới khinh bỉ và đem thắng lợi cho Cộng sản.

---o0o---

Phật giáo có tính dân tộc và cách mạng vì Phật giáo là một tôn giáo sinh động, thực tiễn và khoa học. Phật giáo là một tôn giáo để sống chứ không phải để tin. Đạo Phật đề nghị một con đường tâm linh nhằm đối trị những đau khổ, nhục nhằn, xót xa của con người. Biểu đồ cuộc hành trình đầu tiên của Phật giáo là một đường thẳng mà gốc khởi hành là một ngai vàng lộng lẫy, quyền uy, sang trọng, mà điềm đến là đám cùng dân với đôi chân trần thuộc giai cấp hạ tiện nhất của xã hội Ấn Độ, chứ không phải ngược lại.

Biết bao nhiêu bậc khoa giáp, sĩ phu, nhà cách mạng Việt Nam đã ca ngợi đạo Phật. Vào thời cận đại, những trí thức, học giả mà tên tuổi, tiếng tăm vang dội khắp quê hương như các ông Trần Văn Giáp, Trần Trọng Kim, Nguyễn Trọng Thuật, Nguyễn Đồng Chi, Lê Đình Thám, Đào Trinh Nhất, Phạm Quỳnh, Phan Văn Hùm, Huỳnh Phú Sổ, Lý Đông A, Đào Duy Anh, Thu Giang Nguyễn Duy Cần, Hoàng Xuân Hãn,... đã tôn vinh đạo Phật. Gần đây, nhà viết sử Lê Văn Siêu, một nhà văn mà giới trí thức, văn nghệ sĩ Việt Nam vào những thập niên từ 1940 đến 1970 không mấy ai không biết tiếng, đã trình bày cái đại hạnh do Phật giáo đem đến cho dân tộc Việt trong tác phẩm của ông:

Người Giao Châu đã đến với đạo Phật không bằng tuệ giác mà bằng tình cảm. Hay nói ngược lại cũng vậy, đạo Phật đã bắt rễ trong lòng người Giao Châu hơn là vào trong óc.

Do đó, ta có thể nói mà không sợ bị cải chính là khi đạo Phật vào Giao Châu, không những nền đạo lý ấy đã thành đạo giáo của xứ sở Giao Châu mà cả Đức Phật nữa, cũng lại là Đức Phật của dân Giao Châu nốt. Gia dĩ tinh thần bao dung của đạo Phật lại rộng lắm, không hề có gì ràng buộc người tín đồ là hề đã theo Ta thì không được theo gì khác Ta nữa, hoặc những thể cách này mới đúng theo ý muốn của Ta, còn thể khác là không đúng, mà đúng thì mới được vào niết bàn, còn không đúng thì phải vào địa ngục.

Một thái độ sống đặc biệt của người Giao Châu vừa do hoàn cảnh xã hội quy định sẵn, lại vừa do chính sự tu Phật nêu gương thật đã đáng để lưu ý, ấy là thái độ trọng điều lễ nghĩa, liêm sỉ hơn quyền lợi, vật chất, trọng cái tình của con người đối xử với nhau hơn cái lý quay quắt đê hầu bóp cổ nhau.

Đạo Phật vào Giao Châu đã là một điều đại hạnh cho dân tộc Việt Nam vậy

²⁷

Ngoài ra, ánh sáng nhân bản và trí tuệ của đạo Phật còn càng ngày càng được các nhà bác học, triết gia, học giả thế giới, và cả những nhà tu hành Thiên Chúa giáo tôn vinh giáo lý và chủ trương Từ Bi, Hòa Bình của đạo Phật.

Học giả Michael H. Hart trong tác phẩm sắp hạng 100 nhân vật ảnh hưởng nhất thế giới viết rằng:

Đạo Phật hơn xa đạo Thiên Chúa và đạo Hồi về yếu tính hiếu hòa. Khuynh hướng thiên về chủ trương bất bạo động đã giữ một vai trò đầy ý nghĩa trong lịch sử chính trị của các quốc gia theo đạo Phật.

Trong khi đạo Phật cũng có nhiều hệ phái với nhiều dị biệt lớn lao, nhưng lịch sử đạo Phật không có một biến cố nào có thể so sánh được với những cuộc thánh chiến đẫm máu như đã xảy ra ở Âu Châu của đạo Thiên Chúa. Ít nhất là trên phương diện này, những lời dạy của Đức Phật tỏ ra có ảnh hưởng trên Phật tử sâu xa hơn ảnh hưởng của những lời dạy của Đức Chúa trên các con chiên²⁸.

Triết gia Thiên Chúa giáo Young trong phần kết luận của bài đề tựa cho cuốn Dẫn nhập vào Phật giáo Thiên của học giả Nhật Bản Suzuki đã viết:

Tôi cảm thấy có trách nhiệm phụ chỉ người Tây phương lỗi vào con đường (ĐẠO) thâm sâu hơn hết tất cả mọi con đường để dẫn đến sự giác ngộ²⁹.

Ngay cả Linh mục H.M. Lasalle thuộc Dòng Tên (trong Chemin de L'Illumination, DDB, 1965, trang 8) cũng đã không ngừng kêu gọi sự cảnh tỉnh của thế giới Tây Phương:

Tây phương sau khi đã thông truyền cho Đông phương những chinh phục được trong lãnh vực khoa học và kỹ thuật, giờ đây lại phải quay về với Đông phương để cầu cứu. Phải nói rằng, trong thế giới Đông phương đã có biết bao nhiêu phương tiện giúp đạt tới sự bình an cho tâm hồn mà Tây phương vẫn mù tịt³⁰.

Càng ngày những nhà khoa học, triết gia, học giả, nhà tôn giáo càng biết ưu tư vì một thế giới mà trong tương lai có thể bị hủy diệt bởi những khí giới giết người kinh khủng. Do đó, họ càng hướng về đạo Phật mà chân lý có thể khai ngộ cho nhân loại và giải thoát được viễn ảnh đen tối đó.

Nhưng anh em ông Diệm lại không thấy cái ánh sáng chân lý đó mà chỉ biết noi gương Hoàng đế Constantin, vị Hoàng đế đã dùng bạo lực để mở mang nước Chúa, để mở rộng đế quốc Công giáo La Mã. Ta hãy nghe lời ta thán của ông Lý Chánh Trung, một trí thức Công giáo về chủ trương của Hoàng đế Constantin mà anh em ông Diệm đã là những hậu duệ trung thành nhất:

... Lẽ dĩ nhiên, cứu cánh tối hậu này là mở mang nước Chúa, nhưng sự “mở mang nước Chúa” đôi khi đi ngược lại quyền lợi một số dân tộc. Chẳng hạn từ thời Phục hưng cho tới những năm gần đây, chính sách của Vatican trên

căn bản vẫn là cầu kết với những cường quốc Tây phương theo gót những đoàn quân viễn chinh để giảng đạo, và trong các nước thuộc địa, biến các giáo hội bản xứ thành những rường cột của chế độ thực dân.

Thứ đến, Phật giáo đã được truyền bá như một tôn giáo thuần túy, không pha lẫn với một trào lưu chính trị nào, cũng không có một tổ chức quốc tế rõ rệt nên đã không gây nên những hiểu lầm đáng tiếc như Công giáo.

Trong giáo hội Công giáo thì trái lại, khuynh hướng đóng kín và tự mãn hiện diện ngay trên bình diện tập thể và giáo hội tự ý thức mình như một dân tộc được Thiên Chúa chọn lựa giao phó cho sứ mạng cứu rỗi nhân loại. Giáo hội là con đường độc nhất đưa tới Thiên Chúa: “Ngoài Giáo hội không thể có sự cứu rỗi” (Hors de l’Eglise, Point de Salut). Từ khi giáo hội thành Quốc giáo dưới triều đại Constantin và nắm được những thế lực lớn lao thì “cây gươm tinh thần” của thánh Phao Lô đã luôn luôn bị cám dỗ, đã biến thành cây gươm thép thật sự. Giáo hội đã không ngần ngại dùng đến thế lực để tiêu diệt các tôn giáo khác, đập phá các đền thờ “tà thần”, đốt sách vở ngoại đạo và đốt luôn những người bị xem là “lạc đạo” nếu không chịu sửa sai. Trong xã hội loài người, giáo hội không bao giờ chịu công nhận cho các tôn giáo khác hoặc cho những người không Công giáo cái quyền ăn nói ngang hàng với mình bởi cái lý do giản dị là chỉ giáo hội mới có sự thật, mới có quyền ăn nói. Đức Giáo Hoàng Gregoire XVI đã gọi “tự do báo chí” là “tự do tai hại nhất, đáng ghét nhất, kinh tởm nhất” mà một số người dám đòi hỏi một cách ồn ào cuồng nhiệt và quảng bá khắp mọi nơi.

Tôi nghĩ rằng chính sự bất khoan dung đó (và nhiều lý do khác) đã khiến cho Giáo hội va chạm một cách nặng nề với các dân tộc Á Đông và đã không mỹ mãn trong việc rao giảng tin mừng trong vùng này. Sau bốn thế kỷ giảng đạo với những phương tiện hùng hậu, những hy sinh lớn lao, phải nhận rằng số người Á Đông theo đạo Công giáo thật là ít ỏi ngoại trừ tại xứ Phi Luật Tân. (Đó là chỉ mới nhìn đến số lượng. Nếu nhìn đến phẩm lượng “qualité” thì có lẽ kết quả còn khiêm tốn hơn nữa: chưa có một Giáo hội Á Đông nào sản xuất được một vị thánh, và trình độ đạo đức trung bình của người Thiên Chúa giáo Á Đông không có gì gọi là “cao” hơn những người không Thiên Chúa giáo). Lý do căn bản của kết quả khiêm tốn ấy phải chăng là vì người Á Đông khi theo Đạo đã phải ly cách cộng đồng Dân Tộc. Chính vì Giáo Hội đã xem các nền văn hóa Á Đông là vô giá trị, sai lầm, tội lỗi do đó gần như bắt buộc người Á Đông phải lựa chọn giữa dân tộc và giáo hội

Trước Lý Chánh Trung, học giả Đào Duy Anh cũng nói đến thái độ của người Việt dân tộc khó có thể chấp nhận ” Thiên Chúa giáo” dù người Việt vốn là một dân tộc hòa hài, vốn đã mở rộng vòng tay đón chào những tôn giáo, tín ngưỡng xa lạ từ thế kỷ 16, 17. Ông Đào Duy Anh viết rằng:

Lấy số một triệu rưỡi tín đồ Cơ Đốc giáo mà so với dân số hơn 20 triệu thì ta thấy ảnh hưởng của Cơ Đốc giáo ở nước ta cũng không mạnh lắm. Thực ra thì dân ta phần nhiều cho rằng Cơ Đốc giáo không thừa nhận sự sùng bái tổ tiên là trái với luân lý và văn hóa cổ hữu của ta, cho nên đem lòng kỳ thị. Trong số người theo Cơ Đốc giáo, một phần rất lớn là vì lợi mà theo chứ không phải vì tín ngưỡng sâu xa, cho nên ta có thể nói rằng ảnh hưởng tinh thần của Cơ Đốc giáo đối với dân ta lại còn ít hơn những thành tích thực hiện được ³².

Xin lưu ý rằng những con số ông Đào Duy Anh đưa ra là vào thời kỳ 1938. Nhưng cho đến năm 1965, nghĩa là gần 30 năm sau, mặc dù chế độ Diệm ép buộc dân chúng miền Nam theo Công giáo, thế mà cả hai miền Nam Bắc vẫn chỉ có trên hai triệu ba trăm ngàn giáo dân trong tổng số gần năm mươi triệu dân Việt Nam mà thôi ³³.

Cũng vì người Việt gắn bó với truyền thống dân tộc, thấm thiết với tình tự quê hương cho nên dù các giáo sĩ ngoại quốc đã dùng đủ thứ phương tiện, biện pháp như súng đạn, thế lực, tiền bạc để hăm dọa, mua chuộc, dụ dỗ mong cầu biến Việt Nam thành một tỉnh, quận của nước Pháp “fille ainée de l’Eglise Catholique” mà vẫn không thành công.

Tiếc thay, anh em ông Diệm đã không chịu nhìn cái gương tày liếp ấy lại vẫn đi theo con đường của Constantin, của Gregoire XVI để mua lấy cái chết thảm nhục.

Chủ trương triệt hạ Phật giáo, anh em ông Diệm hướng về ba mục tiêu rõ rệt:

- Trả thù các phong trào Cần Vương, phong trào “Bình Tây - Sát Tả” và chính sách cấm đạo của các vua nhà Nguyễn thế kỷ 19.
- Cùng với việc dồn dân vào ấp Chiến lược, nâng mức độ Công giáo hóa nhân dân miền Nam vào giai đoạn quyết định, nêu đề bệp được cuộc đấu tranh của Phật giáo.

- Vô hiệu hóa một lực lượng chống Cộng có đa số nhân dân để dễ dàng thỏa hiệp với Cộng sản, việc mà tôi sẽ nói tới trong chương sau.

Chủ trương của nhà Ngô chẳng những là một tội ác đối với dân tộc mà còn là hành động đi ngược dòng lịch sử, kéo nhân dân Việt Nam trở về thời Trung Cổ lạc hậu. Anh em nhà Ngô lại còn không nhận ra rằng nước Chúa đang mỗi ngày mỗi thu hẹp và tín đồ khắp thế giới mỗi ngày mỗi quay lưng ngoảnh mặt với Giáo hội Vatican để hướng về cuộc sống nhân bản, khai phóng, tiến bộ hơn.

Sách lược đàn áp, khủng bố Phật giáo tại Việt Nam vào năm 1963 của chế độ Công giáo trị Ngô Đình Diệm nhắc nhở tôi nhớ lại biến cố tàn sát, triệt hạ đạo Tin Lành của Công giáo Pháp vào cuối thế kỷ thứ 17. Ngày 17 tháng 10 năm 1685, vua Louis XIV đã ký một đạo luật đặt đạo Tin Lành ra ngoài vòng pháp luật. Kể từ đó, lính của nhà vua và những người Công giáo Pháp triệt phá các nhà thờ Tin Lành, lùng bắt các mục sư và tín đồ Tin Lành để giam cầm và sát hại. Từ 250 ngàn người đến 400 ngàn người Tin Lành phải bỏ nước ra đi để lánh nạn, số còn lại bị tù đày, bị giết chết, hay bị bắt làm nô lệ. Cũng từ đó, nhân loại lên án tội ác của vua Louis XIV, còn các sử gia Pháp gọi hành động bạo ngược của nhà vua là làm nhục quốc thể. Và cũng từ đó, đạo Tin Lành khắp thế giới mỗi ngày một bành trướng phát triển mạnh lớn thêm, tín đồ đạo Cơ Đốc giáo bỏ đạo cũ để theo đạo Tin Lành đông hơn.

-o0o-

Biến cố Phật giáo vào những tháng mùa Thu năm 1963 đã để lại những ấn tượng sâu xa trong tâm hồn tôi. Báo cáo của các Ty, Sở An Ninh Quân Đội của khắp bốn Quân khu gửi về đều nhấn mạnh đến tình trạng suy sụp tinh thần của quân nhân các cấp. Riêng Quân khu I thì đa số sĩ quan đều trực tiếp hay gián tiếp yểm trợ cho phong trào đấu tranh của Phật giáo, chống đối Chính phủ. Tuy nhiên, nhờ quân đội vốn có truyền thống tôn trọng kỷ luật cho nên đến tháng Tám chưa có mâu thuẫn nào công khai nổ thành bạo lực. Dù vậy, tình trạng quân đội như những đợt sóng ngầm chỉ chờ cơ hội thuận tiện để biến thành những ngọn sóng thần làm tan vỡ chế độ.

Những đêm khuya khó ngủ, tôi bắc ghế bô ra sân nằm nhìn những vì sao băng rơi rụng mà suy nghĩ về tương lai của chế độ, tương lai của đất nước nếu tình trạng mâu thuẫn giữa chính quyền và nhân dân cứ theo đà này gia

tăng. Tôi cũng hồi tưởng ông Diệm và tôi từ 1942 cho đến bây giờ; hồi tưởng trong sáng suốt của một người phân vân trước một quyết định sinh tử, hồi tưởng trong tự do của một người hiểu rõ bổn phận và trách nhiệm của mình đối với Tổ quốc và dân tộc, hồi tưởng trong tư thế của một người mang lý tưởng chống Cộng để bảo vệ tự do và nhân phẩm.

Những biến động dồn dập ban ngày của biến cố Phật giáo vẫn còn dư âm làm sôi động sự yên tĩnh của đêm giới nghiêm chập chờn. Tôi hồi tưởng lại quá khứ từ năm 1942, ngày mà tôi theo ông Diệm hoạt động cách mạng, ngày mà tôi chưa có kinh nghiệm đấu tranh với mớ ý thức chính trị còn non kém, ngày mà tôi chưa am hiểu sâu sắc những bí ẩn lịch sử cận đại, chưa nhận biết rõ ràng về bản chất người Công giáo, về xuất xứ ông Diệm và dòng họ ông. Lúc bấy giờ, hành trang của tôi vồn vện chỉ có chút tình tự với quê hương dân tộc, chỉ có lòng hăng say của người thanh niên đầy bầu máu nóng, tôi nhìn thấy nơi ông Diệm là một bậc quân tử, là một nhà ái quốc đạo đức và liêm chính. Phải sống vào thời kỳ 1930-1940, thời vàng son của quan lại Nam triều mới nhận thấy việc ông từ bỏ địa vị Thượng thư đầu Triều là thái độ của kẻ sĩ gương mẫu. Từ đó tôi một lòng kính trọng ông, ngưỡng mộ ông như một lãnh tụ, như một vị thầy, đến độ đã có nhiều lúc tôi phải dùng cái nghĩa thầy trò để biện minh và bênh vực những tội lỗi của ông, nhất là từ năm 1960 trở về sau.

Nhưng giờ đây thì những hình ảnh dã man tàn bạo của một cuốn phim thời trung cổ hiện rõ trước mắt tôi. Tôi nhìn thấy anh em ông Diệm, trong suốt chín năm qua, chẳng những là hạng người không có tài năng mà cũng chẳng có đạo đức. Đã thế họ lại chối bỏ Quốc tổ Hùng Vương, khinh mạn anh hùng liệt nữ, họ còn có chủ trương tiêu diệt truyền thống tốt đẹp của cha ông, tiêu diệt nền văn hóa đặc thù của dân tộc. Tôi nhìn thấy họ chỉ lo triệt hạ các tôn giáo, đảng phái và những người yêu nước đối lập với họ để phục vụ cho quyền lợi gia đình, phe nhóm và giáo hội La Mã mà thôi. Tôi nhìn thấy anh em ông Diệm chỉ là hiện thân rõ rệt của Vua Constantin, Vua Louis 14, của Alexandre de Rhodes, Pigneau de Béhaine; họ và nhóm Công giáo Cần Lao phe đảng của họ như những kẻ ngoại quốc sống trên quê hương mình, như kẻ ngoại nhân đến đô hộ dân mình, nước mình, đô hộ với một chính sách hà khắc không một chút lòng trắc ẩn đối với dân bản xứ.

Lòng tôi xao xuyến và dao động, tôi cố suy nghĩ kỹ càng hơn về lời dạy của Đức Thế tôn:

“Hãy nghe đây thôn dân Kalama, đừng bao giờ để sa đắm theo các liên hệ, theo các tập tục hay các điều nghe nói, đừng bao giờ sa đắm theo văn bản tôn giáo, những lý luận đơn thuần hay suy lý, đừng theo ảo ảnh, đừng vì thú vui đàm tiếu những dư luận không đâu, cũng đừng tin những điều tưởng là có thể có, nhất là đừng tin vào ai, vì nghĩ rằng kẻ đó là thầy mình...”.

“Nhu Đăng Tỳ Kheo Tri Ngã Thuyết Pháp Như Phiệt Dụ Giã, Pháp Thượng Ứng Xã Hà Huống Phi Pháp” (Đến Chánh Pháp mà còn phải bỏ hà huống Phi Pháp), lời dạy trong kinh Kim Cang bỗng như hai vầng Nhật-Nguyệt đuổi tan đêm tối trong đầu óc tôi.

HẾT

¹ . National Geographic (số 4 Vol. 164, tháng 10-1983), tr.460.

² . Malachi Martin, The Decline and Fall of The Roman Church, tr. 26.

³ . Tuyên ngôn của Đức Tăng Thống giáo Hội Phật giáo Việt Nam công bố ngày 10 tháng 5 năm 1963 tại Huế, trong “Lịch sử Tranh đấu của Phật giáo Việt Nam” của Kiêm Đạt.

⁴ . Tuyên ngôn của Đức Tăng Thống giáo Hội Phật giáo Việt Nam công bố ngày 10 tháng 5 năm 1963 tại Huế, trong “Lịch sử Tranh đấu của Phật giáo Việt Nam” của Kiêm Đạt.

⁵ . David, Halberstam, The Making of a Quagmire, tr. 199, và ghi chú thêm của tác giả: Vị giáo sư người Đức dạy tại Đại học Huế mà Halberstam đề cập, đã từng chứng kiến cuộc đàn áp Phật giáo của chế độ Diệm, chụp được hình ảnh xe tăng của Chính phủ đè lên những xác chết của Phật tử Huế nên ông đã bỏ dạy và rời Việt Nam ngay sau đó. Trên đường về nước, khi dừng lại tại Phnom Penh, ông họp báo trình bày hình ảnh chụp được với ký giả quốc tế để làm bằng chứng cho những lời cáo buộc chế độ Diệm đàn áp tôn giáo.

⁶ . Tuyên ngôn của Đức Tăng thống Giáo Hội Phật giáo Việt Nam công bố ngày 10 tháng 5 năm 1963 tại Huế, trong “Lịch sử Tranh Đấu của Phật giáo Việt Nam” của Kiêm Đạt.

⁷ . Lê Quân, Những Xuyên Tạc và Ngộ Nhận về Phật giáo Việt Nam, báo Khai Phóng (số 6), tr. 38.

⁸ . David Halberstam, The Making of a Quagmire, tr. 212.

-
- ⁹ . Joseph Buttinger, Vietnam: A Political History, tr. 446.
- ¹⁰ . Năm 1973, trong loạt bài “Trăm năm Công Luận” phân tích tình hình đất nước đăng trên nhật báo Thách Đố tại Sài Gòn, tác giả đề cập đến vấn đề này với nhiều chi tiết.
- ¹¹ . Wiliam Miller, Henry Cabot Logde, tr. 344.
- ¹² . Lý Khôi Việt, Hai Ngàn Năm Việt Nam và Phật giáo, tr. 43.
- ¹³ . Wiliam Miller, Henry Cabot Logde, tr. 344.
- ¹⁴ . Kiên Đạt, Lịch Sử Đấu Tranh của Phật giáo Việt Nam, tr. 90,100 .
- ¹⁵ . Kiên Đạt, Lịch Sử Đấu Tranh của Phật giáo Việt Nam, tr. 115-126.
- ¹⁶ . Đoàn Thêm, Hai Mươi Năm Qua, tr. 365.
- ¹⁷ . Lê Quân, Những Xuyên Tạc và Ngộ Nhận về Phật giáo Việt Nam, báo Khai Phóng (số 6), tr. 39.
- ¹⁸ . Jerrold Schecter, The Fusion Of Religion and Politics in Contemporary Buddhism, tr. 156.
- ¹⁹ . Jerrold Schecter, The Fusion Of Religion and Politics in Contemporary Buddhism, tr. 156.
- ²⁰ . Marvin E. Gettleman, Vietnam Histories, Documents and Opinions, tr. 305.
- ²¹ . Stanley Karnow, Vietnam: A History, tr. 279.
- ²² . Neil Sheehan, The Pentagon Papers, tr. 193.
- ²³ . Lưu ý rằng khi bản tường trình được viết ra, Tổng thống Kennedy vẫn còn ủng hộ mạnh mẽ Tổng thống Ngô Đình Diệm và quân đội Việt Nam Cộng Hòa chưa có những vận động để lật đổ chế độ.
- ²⁴ . Trong nguyệt san Nhân bản (số 16 ngày 1 tháng 7 năm 1978) tác giả Đào Sĩ Phu đã viết: “Phạm Kim Vinh suy luận một chiều có tác dụng đầu độc quần chúng vô cùng tai hại, dễ làm quần chúng mù quáng, quá khích. Chế độ Ngô Đình Diệm là chế độ quan lại, phong kiến, gia đình trị, đảng trị, kỳ thị, nhất là từ năm 1958 trở về sau không dính dáng gì với chủ nghĩa Nhân Vị hay ho trên giấy tờ cả. Đạo đức Ngô Đình Diệm không ích lợi gì cho xã hội Việt Nam với phương thức chế độ như vậy. Trái lại hậu quả sai lầm của chế độ Diệm là một xâu tương tá lên nắm quyền chính trị, tôn giáo chơi nhau”. Còn ông Võ Phiến trong tạp chí “Văn học Nghệ Thuật” (số 1 tháng 4 năm 1978), trang 87-88) đã viết: “Những biến cố tại Việt Nam hãy còn quá mới mẻ để đi vào lịch sử, phải chăng vì vậy mà tác giả tập biên khảo này không có giọng lạnh lùng của người viết sử, đã sử dụng một bút pháp sôi nổi của một người trong cuộc... Trong nhiệt tình sôi nổi tác giả không ngần ngại thẳng tay mạt sát những nhân vật bị kết tội, gọi họ là tên nọ, tên kia, là hán là chúng... cho dù họ là Ngoại trưởng, là tướng lãnh...”.

-
- ²⁵ . Nguyệt san Phật giáo (số 15 tháng 9 năm 1979), tr. 11.
- ²⁶ . Phạm Kim Vinh, Lịch Sử Chiến Đấu của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, tr.37,39.
- ²⁷ . Lê Văn Siêu, Việt Nam Văn Minh Sử Lược Khảo, tr. 315,317.
- ²⁸ . Michael Hart, The 100: A Ranking of the Most Influential Person in History, tr. 55,56.
- ²⁹ . D.T. Suzuki, Introduction to Buddhism Zen, tr. 33.
- ³⁰ . Nguyễn Xuyên Việt, Trở về với Đạo Phật, nguyệt san Quê Mẹ (số 48 tháng 11-1981), tr. 26,27.
- ³¹ . Lý Chánh Trung, Tôn Giáo và Dân Tộc, tr. 65-78.
- ³² . Đào Duy Anh, Việt Nam Văn Hóa Sử Cương, tr. 224.
- ³³ . Tạp chí Réalités Vietnamiennes (1969) ghi rằng miền Nam có 1,559,077 người Công giáo, nghĩa là 10.53% của tổng số dân miền Nam, trong lúc miền Bắc chỉ có chừng 800,000 người Công giáo. (trích quyển Hồi ký của cụ Hoàng Linh Đỗ Mậu:
VIỆT NAM MÁU LỬA QUÊ HƯƠNG TÔI Chương XV
Văn Nghệ Publishing Co.
PO Box 2301, Westminster, CA.92684
United States of America)